

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VIỆT DƯƠNG

**TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI
TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI
CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VIỆT DƯƠNG

**TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI
TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI
CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS TRƯƠNG QUANG VINH

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Trước hết tôi gửi lời cảm ơn đến gia đình, quý thầy cô và bạn bè đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và tạo điều kiện để tôi hoàn thành tốt luận văn của khóa học. Xin chân thành cảm ơn thầy PGS.TS Trương Quang Vinh là người hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn tôi trong suốt quá trình làm luận văn.

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa được công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây.

Tp.Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2018

Tác giả

Nguyễn Việt Dương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	8
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác	15
1.3. Trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Luật hình sự một số nước	23
Chương 2: TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA	29
2.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo BLHS năm 2015	29
2.2. Các hình thức trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác	41
2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở TP Biên Hòa	43
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP	53

LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. Sự cần thiết và cơ sở nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	53
3.2. Nhận định về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)	68
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	70
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT:	An ninh trật tự.
BLHS:	Bộ luật hình sự.
BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự.
NQ:	Nghị quyết.
TAND:	Tòa án nhân dân.
TANDTC:	Tòa án nhân dân tối cao.
TNHS:	Trách nhiệm hình sự.
TTATXH:	Trật tự an toàn xã hội.
TTTN:	Tình tiết tăng nặng

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

- Bảng 2.1:** Số liệu xét xử sơ thẩm về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại TP Biên Hòa.
- Bảng 2.2:** Tổng số vụ án bị xét xử phúc thẩm và số vụ án bị xét xử phúc thẩm về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- Bảng 2.3** Hình phạt do Tòa án Cấp sơ thẩm áp dụng.
- Bảng 2.4** Hình phạt do Tòa án Cấp phúc thẩm áp dụng.
- Bảng 2.5:** Số liệu xét xử sơ thẩm vụ án và bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017.
- Bảng 2.6:** Số liệu xét xử sơ thẩm vụ án và bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa từ năm 2013 đến năm 2017
- Bảng 2.7:** Cơ cấu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa.
- Bảng 2.8:** Số liệu xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa.
- Bảng 2.9:** Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo thiệt hại do tội phạm gây ra.
- Bảng 2.10:** Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo công cụ thực hiện tội phạm của người phạm tội.
- Bảng 2.11:** Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo phương thức thực hiện tội phạm.

Bảng 2.12: Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo hình phạt sơ thẩm.

Bảng 2.13: Đặc điểm về động cơ, mục đích của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong những năm trở lại đây đã và đang diễn biến hết sức phức tạp, ngày càng có nhiều chiều hướng gia tăng trong phạm vi cả nước. Hậu quả mà các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là rất lớn, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe, tinh thần của người bị hại; ảnh hưởng tới tình hình trật tự, an ninh của xã hội;... Đặc biệt, những năm gần đây dưới sự ảnh hưởng nhiều của phim ảnh bạo lực và nhiều yếu tố khác tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngày càng diễn biến phức tạp, người phạm tội ngày càng liều lĩnh, coi thường tính mạng con người cũng như coi thường pháp luật. Trong đó vấn đề cần quan tâm là tình trạng thanh thiếu niên tụ tập gây mâu thuẫn để đánh nhau, các mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai, làm ăn kinh tế, xung đột gia đình không được giải quyết tốt (đôi khi chỉ là xích mích nhỏ trong đời sống hằng ngày)... đã dẫn đến việc cố ý xâm phạm sức khỏe của người khác, gây hậu quả rất lớn, tỷ lệ thương tích gây ra cho người bị hại cũng rất cao, có những trường hợp dẫn đến chết người, ngay cả nhiều trường hợp xảy người bị hại và người gây án đều bị thương tích, đều bị tổn hại. Phần lớn những người phạm tội thường liên kết thành các băng, nhóm hoặc lôi kéo thêm người khác vào cùng gây mâu thuẫn để tạo cớ đánh nhau hay trả thù cá nhân (trong đó nhiều vụ mang tính chất tổ chức, tính chất xã hội đen). Đối tượng thường sử dụng các loại hung khí nguy hiểm (dao, mã tấu, xà beng, công cụ tự chế...) để gây thương tích cho người khác.

Địa bàn thành phố Biên Hòa là đô thị loại I, một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội lớn của tỉnh Đồng Nai. Với dân số gần 1,2 triệu người, mật độ dân số vào khoảng 4100 người/km² (là thành phố trực thuộc tỉnh đông dân nhất cả nước), gồm 23 phường và 7 xã; là địa phương có số dân tạm trú, nhập cư biến động lớn của tỉnh, số dân có đạo là rất lớn, tập trung nhiều khu công nghiệp, có

nhiều tuyến đường huyết mạch của tỉnh cũng như của vùng đô thị TP Hồ Chí Minh, tiếp giáp với vùng ven của TP Hồ Chí Minh (Q9); tỉnh Bình Dương (TX Dĩ An) Chính vì vậy, TP Biên Hòa chịu ảnh hưởng, tác động của nhiều nguyên nhân thời kinh tế mở cửa, lại là địa bàn trọng điểm về ANTT cho nên tình hình phạm pháp hình sự và tệ nạn xã hội ở TP Biên Hòa luôn diễn biến hết sức phức tạp. Tính trung bình hàng năm có khoảng 1.200 vụ phạm pháp hình sự xảy ra, trong đó hơn 100 là các vụ án cố ý gây thương tích. Tính riêng trong năm 2016 đã có hơn 1.200 vụ phạm pháp hình sự và 101 vụ cố ý gây thương tích, để lại thương tật cho nhiều người, tiêu hao nhiều thời gian, tiền bạc của nhân dân, đặc biệt trong đó có nhiều vụ mang tính chất tổ chức, xã hội đen, thanh toán giữa các băng nhóm, vấn đề này đã gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình ANTT địa phương nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung. Trong khi đó, công tác xử lý các vụ, các đối tượng cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra nhiều bất cập, gặp nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật hình sự, một số quy định pháp luật hình sự còn mang tính bất cập gây khó khăn trong quá trình vận dụng.

Tuy đã có nhiều văn bản hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc khi áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội này như: Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người; phạm tội đối với người khác không có khả năng tự vệ; phạm tội có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;... nhưng trong quá trình vận dụng các quy định pháp luật hình sự cũng như các văn bản hướng dẫn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vẫn còn có cách hiểu khác nhau, chưa thật sự thống nhất; xét xử phúc thẩm đối với tội này có tỷ lệ cao, phần lớn nguyên nhân phải xét xử phúc thẩm là do có kháng cáo, kháng nghị về việc áp dụng hình phạt chưa thỏa đáng với hành vi phạm tội, áp dụng hình phạt nặng hơn so với quy định của BLHS, việc giám định tỷ lệ thương tích còn có nhiều bất cập; có những trường hợp định sai tội danh dẫn đến tỷ lệ án sửa, án hủy còn cao... Một số vụ án vẫn bị kéo dài do chờ kết quả giám định tỷ lệ thương tích, do việc xác định tỷ lệ thương tích trong những

vụ có nhiều đối tượng cùng gây án diễn ra khó khăn, phức tạp. Việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp như đối tượng có thể mua chuộc, đe dọa người bị hại dẫn đến người bị hại không dám yêu cầu khởi tố đối tượng;... Việc nghiên cứu về lý luận và thực tiễn đối với loại tội phạm này trên địa bàn TP Biên Hòa nhằm tổng kết lại thực tiễn, tìm ra nguyên nhân, vướng mắc về thực tiễn và lý luận, rút ra kinh nghiệm, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự là một đòi hỏi hết sức cấp bách đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm đảm bảo sự ổn định về TTATXH, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của thành phố nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung.

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn trên, xét thấy cần phải nghiên cứu sâu hơn, đầy đủ hơn về tội phạm này, đó cũng là lý do tôi chọn nghiên cứu đề tài: ***“Trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ thực tiễn thành phố Biên Hòa”*** làm luận văn tốt nghiệp cao học luật chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Dưới góc độ Luật hình sự hiện nay, theo khảo sát của tác giả đã có nhiều công trình nghiên cứu về Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. *“Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)”*, của GS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003; *“Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần tội phạm)”*, của PGS.TS Đỗ Đình Hòa (chủ biên), Nxb Tổng cục XDLL CAND, Hà Nội, 2009; *“Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người”* của tác giả PGS.TS. Trần Văn Luyện, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000; *“Bình luận khoa học Bộ luật hình sự. Tập 1, Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người: Bình luận chuyên sâu”*, của ThS. Đinh Văn Quế, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, trong đó có đề cập đến tội phạm này. Các công trình này đã đi sâu nghiên cứu về những vấn đề lý luận cũng như làm rõ các đặc trưng pháp lý, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác theo quy định của BLHS, nghiên cứu những vấn đề, các tình

tiết còn có nhận thức khác nhau của BLHS... Tuy nhiên các công trình này chưa đi sâu, làm rõ những quy định về các tình tiết cụ thể của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chưa đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của luật về tội phạm này cũng như chưa có nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm này.

Về nghiên cứu khoa học: “Các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong luật hình sự Việt Nam”, của Lê Đình Tĩnh, luận văn thạc sĩ luật học, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014; “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong luật hình sự Việt Nam”, của Đặng Thị Hương Dung, luận văn thạc sĩ, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015; “Đặc điểm tội phạm học của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Việt Nam hiện nay và các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa”, của Nguyễn Hữu Cầu, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2002; “Một số vấn đề về tình tiết: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng”, của Đinh Văn Quế, bài báo khoa học, Tạp chí TAND kỳ I tháng 09/2010 (số 17). Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề như đã nói ở trên là đáp ứng với đòi hỏi của cả lí luận và thực tiễn.

Theo khảo sát của tác giả trong những năm gần đây chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu về thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề như đã nói ở trên là đáp ứng với đòi hỏi của cả lí luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- **Mục tiêu nghiên cứu:** Trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ vấn đề trách nhiệm hình sự, các đặc điểm pháp lý của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng như thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp

luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

- **Nhiệm vụ nghiên cứu:** Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ của đề tài cần phải tập trung thực hiện một số vấn đề sau:

+ Nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp lý về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

+ Nghiên cứu các quy định của BLHS hiện hành về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

+ Nghiên cứu quy định về tội phạm này của Luật hình sự một số nước.

+ Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại thành phố Biên Hòa.

+ Đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của Luật hình sự nói chung và trách nhiệm hình sự nói riêng về tội phạm này và đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:**

+ Các quy định về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo BLHS năm 1999.

+ Thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở thành phố Biên Hòa.

+ Quy định về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- **Phạm vi nghiên cứu:**

Đề tài nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở thành phố Biên Hòa từ năm 2013 đến năm 2017.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

+ Phương pháp thống kê: được tác giả sử dụng để thống kê các số liệu thu thập được và được sử dụng chủ yếu để làm rõ thực trạng của tình hình Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở thành phố Biên Hòa trong chương 2 của luận văn.

+ Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp: được sử dụng xuyên suốt trong luận văn nhằm làm rõ các vấn đề lý luận, pháp lý, so sánh giữa tội phạm này với một số tội phạm khác, làm rõ các kết quả đạt được, các hạn chế, nguyên nhân các hạn chế trong thực tiễn áp dụng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở thành phố Biên Hòa.

+ Phương pháp nghiên cứu án điển hình: được sử dụng chủ yếu tại chương 2 nhằm làm rõ thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở TP Biên Hòa.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- *Ý nghĩa lý luận:* Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận khoa học về Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đây là tài liệu có thể dùng trong công tác nghiên cứu, học tập, tham khảo.

- *Ý nghĩa thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được nghiên cứu, sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm này trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

Luận văn là công trình khoa học đầu tiên khảo sát một cách toàn diện và sâu sắc về thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở thành phố Biên Hòa từ năm 2013 đến năm 2017. Làm rõ những kết quả đạt được, các hạn chế, nguyên nhân những hạn chế, thiếu sót của hoạt động trên, từ đó đề xuất các kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao

hiệu quả hoạt động áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này ở thành phố Biên Hòa.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được cấu trúc gồm 3 chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 2: Trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Bộ luật Hình sự và thực tiễn áp dụng tại TP Biên Hòa.

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. Khái niệm, đặc điểm về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.1.1. Khái niệm về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

TNHS là một thuật ngữ khoa học luật hình sự. Trong khoa học luật hình sự Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại nhiều nhóm quan điểm khác nhau về TNHS, chưa có một khái niệm thống nhất về TNHS, có thể xét một số quan điểm như sau:

Nhóm quan điểm thứ nhất: TNHS là việc thực hiện biện pháp chế tài pháp lý hình sự, nó phát sinh từ khi áp dụng hình phạt nhất định đối với người, pháp nhân phạm tội. Nhóm quan điểm này chỉ đánh giá TNHS trên cơ sở hình phạt áp dụng đối với người, pháp nhân phạm tội (có sự đồng nhất giữa TNHS với hình phạt) và vô tình đã làm hẹp nội dung của TNHS.

Nhóm quan điểm thứ hai: TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý, tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của Nhà nước và người, pháp nhân phạm tội, điều này được thể hiện thông qua các biện pháp tác động có tính chất pháp lý hình sự được quy định trong luật hình sự và áp dụng đối với người, pháp nhân thực hiện tội phạm, bao gồm hình phạt và các biện pháp tác động có tính chất pháp lý hình sự khác không phải hình phạt, được bắt đầu từ khi truy cứu TNHS đối với một người, pháp nhân thực hiện tội phạm. Vấn đề đặt ra ở quan điểm này là còn nhiều mâu thuẫn trong xác định thời điểm phát sinh TNHS và thời điểm bắt đầu thực hiện TNHS (người phạm tội chính thức phải chịu trách nhiệm hình sự trước Nhà nước).

Nhóm quan điểm thứ ba: TNHS là một loại quan hệ pháp luật giữa Nhà nước và người, pháp nhân phạm tội. TNHS là nghĩa vụ phải chịu các biện pháp cưỡng chế nhà nước của người, pháp nhân phạm tội do việc người, pháp nhân đó thực hiện

tội phạm. Thời điểm người phạm tội thực hiện tội phạm là thời điểm bắt đầu TNHS. Quan điểm này đã đồng nhất giữa nghĩa vụ phải chịu TNHS cũng như quá trình truy cứu TNHS do các cơ quan điều tra, viện kiểm sát... với TNHS mà một người, pháp nhân phải chịu trên thực tế do việc thực hiện tội phạm.

Nhóm quan điểm thứ tư: TNHS là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự và được thể hiện trước hết ở việc kết án của Tòa án, nhân danh Nhà nước, đối với người, pháp nhân phạm tội. Theo đó, quan điểm này không thể hiện được vấn đề án tích là TNHS, trong khi đó, án tích cũng là một phần TNHS mà người, pháp nhân phạm tội phải chịu trong một khoảng thời gian nhất định do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Trong các quan điểm trên không có quan điểm nào mang tính toàn diện, đầy đủ mà chỉ mang tính tương đối chưa thể hiện hết bản chất, cũng như nội hàm vốn có của thuật ngữ TNHS. Vậy để đánh giá và đưa ra một nhận thức đầy đủ về TNHS chúng ta cần dựa vào cơ sở của TNHS. Theo quy định tại Điều 2, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

“1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự.”

Về cơ bản có một khái niệm như sau: *“TNHS là trách nhiệm của người phạm tội phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi về hành vi phạm tội của mình”* [27, tr.218]. Khái niệm này có thể nói là tương đối giải thích đầy đủ nội hàm của TNHS.

Đây là căn cứ bắt buộc chung mà dựa vào đó Nhà nước, thông qua các cơ quan đại diện có thể truy cứu, áp dụng TNHS đối với người, pháp nhân nào đó thực hiện tội phạm. Đến đây có thể rút ra khái niệm cơ bản về TNHS như sau: *TNHS là một dạng của trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý mà người, pháp nhân phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc người, pháp nhân đó thực hiện tội phạm. TNHS là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự theo đúng trình tự tố tụng hình sự, điều đó được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án áp dụng đối*

với người, pháp nhân phạm tội có hiệu lực pháp luật và án tích đối với người, pháp nhân đó.

Để xác định TNHS đối với tội phạm nói chung và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, có hai vấn đề cần phải làm rõ đó chính là cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn:

Thứ nhất, cơ sở pháp lý quan trọng để xác định TNHS đối với người, pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội đó chính là cấu thành tội phạm, nó bao gồm: dấu hiệu hành vi thuộc mặt khách quan, dấu hiệu lỗi thuộc mặt chủ quan, dấu hiệu năng lực TNHS thuộc yếu tố chủ thể tội phạm. Đây là cơ sở quan trọng để xác định hành vi của một người, pháp nhân có phải là tội phạm hay không và phải chịu TNHS về tội nào trong BLHS. Nhưng chỉ dựa vào cấu thành tội phạm để truy cứu TNHS thì chưa đủ, ý kiến của PGS.TS Trần Văn Độ cho rằng: “*Quan điểm cho rằng cấu thành tội phạm là cơ sở của TNHS duy nhất là hoàn toàn sai lầm vì tự mình cấu thành tội phạm không thể là cơ sở làm phát sinh TNHS*”. Đúng như vậy, tại Khoản 2,3, Điều 14 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“2. Người chuẩn bị phạm một trong các tội sau đây thì phải chịu trách nhiệm hình sự:

a) Điều 108 (tội phản bội Tổ quốc); Điều 110 (tội gián điệp); Điều 111 (tội xâm phạm an ninh lãnh thổ); Điều 112 (tội bạo loạn); Điều 113 (tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân); Điều 114 (tội phá hoại cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); Điều 117 (tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); Điều 118 (tội phá rối an ninh); Điều 119 (tội chống phá trại giam); Điều 120 (tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân); Điều 121 (tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân);

b) Điều 123 (tội giết người); Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác);

c) Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản);

d) Điều 299 (tội khủng bố); Điều 300 (tội tài trợ khủng bố); Điều 301 (tội bắt cóc con tin); Điều 302 (tội cướp biển); Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); Điều 324 (tội rửa tiền).

3. Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này thì phải chịu trách nhiệm hình sự". Dù chuẩn bị phạm tội thì chưa thể thực hiện đầy đủ các dấu hiệu được quy định trong cấu thành tội phạm nhưng vẫn phải chịu TNHS. Chính vì vậy, chúng ta cần phải có thêm cơ sở thứ hai trong việc xác định TNHS đối với người, pháp nhân đã thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, con người, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS nếu họ đã thực hiện hành vi được quy định trong BLHS là tội phạm. Điều này có nghĩa là một người, pháp nhân có thể phải chịu TNHS nếu hành vi của họ có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm. Hay nói cách khác, nếu cấu thành tội phạm là điều kiện cần của TNHS thì hành vi phạm tội là điều kiện đủ, vì khi hành vi đã thỏa mãn tất cả những dấu hiệu của cấu thành tội phạm thì đã có đầy đủ cơ sở để có thể buộc họ phải chịu TNHS mà không đòi hỏi gì thêm. Nhưng hành vi phạm tội rất đa dạng có thể là tổ chức, giúp sức... hoặc chỉ là chuẩn bị phạm tội, chính vì vậy, trên thực tế phải dựa vào các quy định khác trong BLHS quy định về hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chịu TNHS về tội phạm tương ứng được quy định trong BLHS. Như vậy, cơ sở của việc truy cứu TNHS là hành vi phạm tội (cơ sở thực tiễn) thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm (cơ sở pháp lý) được BLHS quy định.

Vậy theo quan điểm của tác giả thì khái niệm TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hậu quả pháp lý mà người thực hiện hành vi bị coi là tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải gánh chịu trước Nhà nước, là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, theo đúng trình tự tổ tụng hình sự, được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án áp dụng đối với người phạm tội có hiệu lực pháp luật và án tích đối với người đó. Trong đó, cơ sở thực tiễn là hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thỏa mãn các dấu hiệu

của cấu thành tội phạm của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, các quy định khác của BLHS (trong trường hợp chưa đủ các yếu tố cấu thành Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng thỏa mãn các quy định khác của BLHS như: chuẩn bị phạm tội; đồng phạm... nghĩa là người đó vẫn phải chịu TNHS về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tương ứng với hành vi mà người đó đã thực hiện).

1.1.2. Đặc điểm về trách nhiệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Từ khái niệm đưa ra, TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có những đặc điểm sau:

Đặc điểm thứ nhất, TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được BLHS quy định là tội phạm, nghĩa là hành vi đó thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì người thực hiện hành vi mới phải chịu TNHS, không thể buộc một người nào đó không thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác phải chịu TNHS về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Đặc điểm thứ hai, TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là trách nhiệm của cá nhân người phạm tội phải gánh chịu trực tiếp trước Nhà nước và chỉ đặt ra đối với các nhân người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chứ không thể là người nào đó không phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, không thể là pháp nhân hay tổ chức nào khác. Vấn đề TNHS đối với pháp nhân không còn là khái niệm xa lạ trong khoa học pháp lý ở Việt Nam, song TNHS đối với pháp nhân không thể áp dụng với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Trong trường hợp tội phạm này được thực hiện do người đại diện pháp nhân vì lợi ích của pháp nhân thì TNHS đối với Tội cố

ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng chỉ áp dụng đối với cá nhân người phạm tội. TNHS mà người phạm tội phải gánh chịu là trách nhiệm đối với Nhà nước chứ không phải đối với người mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại.

Người phải chịu TNHS về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là người thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đạt độ tuổi chịu TNHS về tội này và có đủ năng lực TNHS. Trong trường hợp đồng phạm thì từng đồng phạm phải chịu TNHS độc lập và TNHS là tương ứng với mức độ câu kết trong đồng phạm, tính chất, mức độ và hành vi thực tế tham gia vào việc cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Đặc điểm thứ ba, TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật, hình phạt và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác được quy định trong BLHS. Nó thể hiện mối quan hệ giữa người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và Nhà nước (thông qua các cơ quan được giao thẩm quyền), được thể hiện đầu tiên bằng việc Tòa án nhân danh Nhà nước đưa ra bản án kết tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ cơ sở để người phạm tội phải chịu TNHS, chỉ đến khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mới phải chịu TNHS mà không phụ thuộc vào việc trong bản án có hình phạt hoặc miễn hình phạt, có biện pháp cưỡng chế hoặc không có biện pháp cưỡng chế theo luật định. Ngay khi bản án kết tội của Tòa án đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có hiệu lực pháp luật thì người phạm tội được xem bắt đầu phải chịu TNHS về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà người đó đã thực hiện, bởi vì, khi đó bản án kết tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của Tòa án chính là hậu quả pháp lý mà người phạm tội phải chịu trước Nhà nước và án tích đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại

cho sức khỏe của người khác đã đặt ra với người phạm tội (đây chính là hậu quả pháp lý mà người phạm tội phải chịu). Như vậy, bản án kết tội của tòa án về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác gắn liền với dấu hiệu án tích của người bị kết án (trừ trường hợp được miễn hình phạt).

Người được miễn TNHS với hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà mình đã gây ra thì Tòa án không ra bản án kết tội mà Tòa án tuyên miễn TNHS nghĩa là không đặt ra vấn đề hậu quả pháp lý đối với hành vi đó và cũng không có án tích.

Đặc điểm thứ tư, TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là trách nhiệm trước Nhà nước, là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự đối với tội phạm này. Được xác định và thực hiện theo một trình tự, thủ tục đặc biệt do pháp luật tổ tụng hình sự quy định. Việc xác định các căn cứ để áp dụng TNHS đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là kết quả của cả một quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan có thẩm quyền trong tổ tụng hình sự. Song TNHS chỉ có thể do Tòa án nhân danh Nhà nước áp dụng đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, được thể hiện bằng bản án kết tội. Thời điểm bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật là thời điểm bắt đầu thực hiện TNHS về hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, được thực hiện trước Nhà nước.

Bên cạnh những đặc điểm trên TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn mang tính đặc trưng riêng, như sau: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm phạm tới giá trị nhân thân của con người là tổn hại về sức khỏe thậm chí là tính mạng, đây là yếu tố bất khả xâm phạm không thể đem ra mua, bán... Nó được pháp luật quốc tế thừa nhận, bảo vệ và trong pháp luật Việt Nam cũng vậy, điều đó được quy định cụ thể trong Hiến pháp cũng như các Bộ luật, Luật khác nhau. Tính chất nghiêm trọng của tội phạm này dẫn đến những hậu quả lâu dài cho người bị xâm phạm. Đối tượng xâm phạm trong Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của

người khác chỉ có thể là con người cụ thể. Đây là tính đặc thù của loại tội phạm này, nó tác động tới TNHS, hình thức TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

1.2.1. Giai đoạn thời phong kiến qua một số Bộ luật điển hình

Bộ luật Hồng Đức (hay còn gọi là Quốc triều hình luật-thời Lê): Đây được xem là bộ luật tiến bộ nhất, hoàn chỉnh nhất trong các bộ luật ở Việt Nam thời phong kiến; là thành tựu có giá trị đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam; là một trong những thành tựu tiêu biểu của nền văn hiến nước ta. Bộ luật này chứa đựng nhiều yếu tố, giá trị tích cực, tiến bộ, trong đó cần phải nhấn mạnh và khẳng định đến một giá trị nổi bật là, những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của con người, đặc biệt là của người dân được thừa nhận, được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật. Trong đó, có quyền được bảo vệ về sức khỏe, đã quy định về nhóm tội ấu dâm, tội đánh người bị thương cũng như TNHS mà người thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến sức khỏe con người phải chịu, theo Điều 466 có quy định, "*Đánh gãy răng, sút tai mũi, chột 1 mắt, gãy ngón chân, ngón tay, giập xương, hay lấy nước sôi, lửa làm người bị thương và rụng tóc, thì xử tội đồ làm khao đình. Lấy đồ bản thủ ném vào đầu mặt người ta thì xử biếm 2 tu; đổ vào miệng mũi thì biếm 3 tu. Đánh gãy 2 răng, 2 ngón tay trở lên thì xử tội đồ làm tượng phùng binh. Lấy gươm giáo đâm chém người, dẫu không trúng cũng phải lưu đi châu gần (người quyền quý phạm tội thì xử tội biếm). Nếu đâm chém bị thương và làm đứt gân, chột 2 mắt, đoạ thai thì xử tội lưu đi châu xa. Nếu trong khi đương xét hỏi, người bị thương lại bình phục, thì tội nhân được giảm tội 2 bậc. Nếu đánh bị thương 2 người trở lên và nhân bị thương mà thành cố tật, hay đánh đứt lưỡi, huỷ hoại âm, dương vật đều xử tội giảo; và phải đền tiền thương tổn như lệ định".*

Việc quy định chế tài cố định như trên ở một chừng mực nhất định rất thuận lợi cho việc áp dụng, nó đã đảm bảo tính chính xác trong việc áp dụng luật của các

cơ quan Nhà nước, tránh được sự tùy tiện trong việc áp dụng luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định chưa mang tính cụ thể trong một điều luật nhất định mà nằm rải rác trong nhiều điều luật, nhiều chương, mục khác nhau và TNHS mà người phạm tội này phải chịu cũng theo đó khác nhau, mang tính tình huống vụ việc cụ thể xảy ra, có thể kể đến như:

Theo Điều 403 có quy định, *“nếu gây thương tích cho người đàn bà thì xử nặng hơn một bậc so với đánh người thường bị thương. Nếu làm chết người đàn bà thì điền sản kẻ phạm tội phải giao cho nhà người bị chết”*.

Theo Điều 482 có quy định, nếu *“chồng đánh vợ bị thương thì xử như tội đánh người bị thương nhưng nhẹ hơn 3 bậc. Nếu đánh chết thì xử như tội đánh chết người nhưng nhẹ hơn 3 bậc, tiền đền mạng bớt 3 phần”*.

Bên cạnh đó, một số quy định về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chưa thực sự tương ứng với cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, dẫn đến TNHS đối với hành vi phạm tội chưa tương ứng, như:

Theo Điều 707 có quy định, *“Ngục giam vô cớ hành hạ tù nhân đến bị thương thì xử theo luật đánh người bị thương.; ...; hoặc bởi đánh đập, bớt cơm mà tù nhân chết thì bị xử đồ hay lưu”*.

Bộ luật Gia Long (hay Hoàng Việt luật lệ-thời Nguyễn): Đây là bộ luật được xây dựng trên cơ sở Luật Hồng Đức nhưng tổng thể mang tính hà khắc hơn do ảnh hưởng của Đại Thanh luật lệ lúc bấy giờ và không được tiến bộ như Luật Hồng Đức. Mục tiêu hàng đầu của nó là để bảo vệ vương quyền, địa vị và quyền lợi của giai cấp phong kiến, địa chủ, củng cố trật tự xã hội và gia đình gia trưởng phong kiến, trừng trị tàn bạo những người chống đối. Chính vì vậy, một số điểm tiến bộ của Bộ luật Hồng Đức bị lược bỏ và chủ yếu là chép lại theo Đại Thanh luật lệ (dù đã sửa cho phù hợp với điều kiện lịch sử đất nước bấy giờ). Về TNHS đối với hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có một số quy định đối với từng trường hợp cụ thể, như: dân thường đánh nhau; quan đánh nhau...

Theo Điều 378 quy định, “*Phạm quan ty xử người không đúng pháp (như đáng nhẽ dùng roi mà dùng gậy) thì bị phạt 40 roi. Nhân đó làm chết thì bị phạt trăm trượng, [quan lại nơi ấy] đều thu 10 lượng bạc cho việc chôn cất (cấp cho gia đình người chết), người bị trượng đều được giảm một bức (khỏi thu bạc)*”. Hay Điều 377 quy định, “*Phạm quan thủ lãnh, quan phó của giám làm thượng ty, quan hạ ty phẩm cấp cao dưới quyền và quan cao của bộ dân cùng đánh nhau, đều xử theo luật người thường đánh lộn. (Một mặt coi giám lân là trọng, một mặt coi phẩm cấp là quý thì không nên bắt nhót bộ dân hạ ti). Nếu không phải dưới quyền của nhau, nhưng phẩm cấp các quan bằng nhau cùng đánh nhau thì cùng xử như nhau theo luật người thường đánh lộn*”.

Ngoài ra, tại quyền 15 phần Hình luật, trong mục đầu ầu có quy định xử tội thô thiếp đánh chồng , như sau:

“Phạm vợ đánh chồng, xử 100 trượng, cứ đánh là phải chịu tội, thành bị thương cũng vậy... Đánh đến mức gãy xương trở lên (khám nghiệm xem vết thương nặng nhẹ, xử nặng hơn tội đánh người bị thương ba bậc).

Đánh đến thành tật, xử giao lập quyết. Đánh chết, xử trăm lập quyết. Có ý giết, xử lăng trì (bao gồm cả việc giết bằng bùa phép, trùng độc).

Chỉ đánh thì phạt 60 trượng, đồ một năm. Nếu gãy một cái răng, người thường xử 100 trượng thì vợ đánh chồng xử tăng lên 3 bậc, đối với người thiếp lại xử tăng lên 4 bậc nữa, như vậy là xử thông thành 4 bậc, phạt 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi.

Tăng là tăng đến tội chết. Nếu gãy trật khớp lưng, xử tăng đến tội chết, chỉ xử giao chứ không xử trăm”.

Như vậy, TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở Bộ luật Gia Long chưa thực sự hoàn thiện, còn rã rác ở nhiều điều luật khác nhau, còn mang tính từng vụ việc cụ thể và nhất là vẫn còn là nhằm bảo vệ lễ lối phong kiến, chưa thực sự công bằng trong pháp luật giữa người với người cũng như TNHS đặt ra là chưa tương ứng với tính chất của hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1.2.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước Bộ luật hình sự năm 1985 được ban hành

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân non trẻ mới được thành lập phải đối mặt với những khó khăn vật chất. Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc trấn áp tội phạm bằng các sắc lệnh trên nhiều lĩnh vực. Với quan điểm lịch sử cụ thể, Nhà nước đã chấp nhận sử dụng luật lệ của chế độ cũ. Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cho phép thi hành một số luật lệ của chế độ cũ nhưng không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa. Trong đó có Bộ “Luật Hình An Nam” ban bố tại Bắc bộ Dụ ngày 25/8/1921 và Nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 02/12/1921 cùng những Dụ và nghị định sửa đổi bộ luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Bắc bộ kể cả Hà Nội và Hải Phòng; Bộ “Hoàng Việt Hình Luật” ban bố tại Trung bộ, Dụ ngày 03/7/1933 và nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 04/7/1933 cũng những Dụ và nghị định sửa đổi Bộ luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Trung bộ kể cả Đà Nẵng; Bộ Hình luật pháp tu chính được ban hành ngày 31/12/1912 cùng những sắc lệnh sửa đổi sắc lệnh ấy vẫn thi hành ở Nam bộ.

Sau khi miền Bắc giải phóng, Thông tư số 442-TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ chính thức có quy định tội cố ý gây thương tích. Tại Điểm 3 của Thông tư có quy định: “*Đánh bị thương phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm*”; “*đánh bị thương có tổ chức hay gây thành cố tật, hay gây chết người có thể phạt đến 20 năm*”. Cũng như sắc lệnh 47/SL ngày 10/10/1945, tại Thông tư giữ nguyên giao cho Tòa án là cơ quan đại diện Nhà nước thực hiện quyền xét xử, bên cạnh đó, đã đưa ra được ba tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, đó là: “*có tổ chức*”; “*gây thành cố tật*”; “*gây chết người*”. Dù chưa đầy đủ để truy cứu TNHS một cách tương xứng với một số hành vi phạm tội gây ra (còn mang tính chung chung), nhưng điều này thể hiện bước tiến bộ về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, để đảm bảo an ninh trật tự và đáp ứng yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, Chính phủ Cách mạng lâm thời

Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 quy định về tội phạm và hình phạt với 07 loại tội phạm, trong đó có quy định về tội cố ý gây thương tích. Tại điểm b Điều 5 của Sắc luật có quy định, “*Phạm tội cố ý gây thương tích thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù đến 20 năm*”. Trong giai đoạn này đến trước khi BLHS năm 1985 được ban hành chúng ta chủ yếu áp dụng quy định này để giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích, bên cạnh đó, thông qua tổng kết công tác hàng năm và tổng kết chuyên đề về các nhóm tội, Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn pháp luật cho các Tòa án các cấp trong cả nước như Chỉ thị số 07-TANDTC/CT ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác do vượt quá phòng vệ chính đáng... trong đó có tội cố ý gây thương tích, nhằm áp dụng luật để truy cứu TNHS được phù hợp, tương ứng với hành vi phạm tội gây ra.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành BLHS 1985 đến trước BLHS 1999

Trong giai đoạn 1982-1986, quá trình pháp điển hóa ở Việt Nam thực hiện đồng bộ, trong đó sự ra đời của một bộ luật thống nhất, duy nhất xác định tội phạm và hình phạt vô cùng cấp thiết. Ngày 27/6/1985, BLHS năm 1985 được ban hành và có hiệu lực ngày 01/01/1986, đây là thành tựu của 40 năm hoạt động lập pháp của chính quyền cách mạng, là sự tiếp thu tinh hoa lập pháp của các nước trên thế giới và thực tiễn ở nước ta từ năm 1945 đến thời điểm bộ luật được ban hành. Trong BLHS năm 1985, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 109, như sau:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác;*
- b) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- c) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;*

3. Phạm tội gây cố tật nặng dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định ở điểm a khoản 2, ở khoản 3 Điều này mà do bị kích động mạnh vì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân hoặc trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm”.

Về cơ bản ở BLHS đầu tiên sau khi thống nhất đất nước đã đáp ứng được yêu cầu thực tế việc truy cứu TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cũng như có sự phân hóa TNHS của từng loại hành vi, mức độ nguy hiểm của hành vi và cũng đã cụ thể hóa trong một điều luật, điều đó thể hiện sự công bằng trước pháp luật về TNHS phải chịu về hành vi phạm tội.

Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế nhất định, nhà làm luật đưa nhiều hành vi phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau vào trong cùng một điều khoản và chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm, các điểm khoản quy định còn chung chung, trừu tượng, ví dụ như điểm a khoản 2 Điều 109 quy định "Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác", mà không giải thích rõ thế nào là thương tích nặng, tổn hại nặng... Do vậy, việc áp dụng pháp luật trong truy cứu TNHS của các quan tố tụng gặp nhiều khó khăn cũng như việc định tội, xác định TNHS tương ứng của Tòa án đối với hành vi phạm tội còn nhiều bất cập.

TANDTC đã có nhiều văn bản hướng dẫn như công văn số 03-TATC ngày 22/10/1987 của TANDTC hướng dẫn thực hiện Điều 109 BLHS; công văn số 311/HS ngày 04/4/1989 của TANDTC về việc xác định tỷ lệ thương tật của người bị thương tích; nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 12/4/1989 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn việc bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS (trong đó có Điều 109); Công văn số 140/1998/KHXX của TANDTC về việc hướng dẫn áp dụng Điều 109.

1.2.4. Giai đoạn từ khi ban hành BLHS 1999 đến trước BLHS 2015

BLHS 1985 ra đời bối cảnh điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn về kinh nghiệm lập pháp và tiềm lực kinh tế, có những đặc trưng là cần bảo vệ nền kinh tế bao cấp chủ yếu dựa trên hai hình thức sở hữu: Nhà nước và tập thể theo cơ chế bao cấp và đã qua sửa đổi, bổ sung 4 lần (tháng 12/1989, tháng 8/1991, tháng 12/1992 và tháng 5/1997), về cơ bản đã hoàn thành tốt sứ mệnh lịch sử của Bộ luật. Nhưng trong bối cảnh đổi mới mọi mặt nhằm phát triển đất nước cũng như phát triển về kỹ thuật lập pháp, đây là những yêu cầu khách quan cho sự ra đời của BLHS năm 1999.

Ngày 21/12/1999 BLHS mới được ban hành và có hiệu lực ngày 01/7/2000, so với BLHS 1985 đã điều chỉnh tối đa về mặt lập pháp những chế định cơ bản, quan trọng của luật hình sự; phân hóa triệt để TNHS và hình phạt; nêu cao tinh thần nhân đạo của luật hình sự. Trong đó tách Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thành ba tội được quy định tại ba điều luật khác nhau:

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS;

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 105 BLHS;

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 106 BLHS.

Việc tách biệt thành ba tội danh khác nhau nhà làm luật đã xây dựng chính xác các cấu thành tội phạm cơ bản, bổ sung các tình tiết định khung hình phạt, điều này giúp việc truy cứu và xác định TNHS của hành vi được đầy đủ, tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng hành vi, thể hiện sự phân định rõ về TNHS mà người thực hiện hành vi phạm tội này phải chịu.

Theo đó TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS 1999, như sau:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;

c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;

d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

e) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;

f) Có tổ chức;

g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

4. Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân”.

Theo đó TNHS mà tội phạm này phải chịu được phân hóa rõ ràng, cụ thể hơn theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi. Xác định yếu tố định khung và định tội cũng đầy đủ hơn, chi tiết hơn, điều này giúp cho việc truy cứu TNHS và xác định TNHS đối với hành vi phạm tội này được cụ thể, công bằng hơn.

1.3. Trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Luật hình sự một số nước

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự của Liên bang Nga được quốc gia Nga thông qua ngày 24/05/1996 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Bộ luật có 34 chương, 361 điều, chia thành 2 phần là phần chung và phần riêng. Đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại các Điều 112, 113, 115 thuộc phần riêng, chương 16 các tội xâm phạm tính mạng và sức khỏe của BLHS Liên bang Nga năm 1996. Cụ thể:

Điều 111: Tội cố ý gây tổn hại nặng cho sức khỏe

“1. Cố ý gây tổn hại nặng cho sức khỏe, nguy hiểm đến tính mạng hay làm mất mắt, miệng, tai hay cơ quan nào đó hoặc làm mất chức năng của cơ quan đó hay làm biến dạng khuôn mặt không sửa được, cũng như gây tổn hại cho sức khỏe nguy hiểm đến tính mạng hay làm suy giảm sức khỏe, làm mất đáng kể vĩnh viễn khả năng lao động nghề nghiệp hoặc gây trụy thai, gây rối loạn tâm thần, gây nghiện ma túy hoặc bị nhiễm độc, thì bị phạt tù từ hai năm đến tám năm.

2. Cũng hành vi đó, nếu được thực hiện:

a) Đối với người hoặc người thân thích của người đó liên quan đến việc thực hiện công vụ hoặc nghĩa vụ xã hội của người này;

b) Một cách đặc biệt tàn ác, nhạo báng hoặc gây đau đớn cho nạn nhân;

c) Bằng phương pháp nguy hiểm cho mọi người;

d) Vì động cơ côn đồ;

đ) Vì động cơ hận thù dân tộc, tôn giáo hoặc huyết thống;

e) Với mục đích sử dụng cơ quan hoặc mô của cơ thể nạn nhân;

g) Do làm thuê, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm.

3. Những hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu:

a) Do một nhóm người, một nhóm người có thỏa thuận trước hoặc một nhóm người có tổ chức thực hiện;

b) Được thực hiện đối với từ hai người trở lên;

c) Được thực hiện nhiều lần hoặc do người trước đây đã phạm tội giết người theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật này thực hiện, thì bị phạt tù từ năm năm đến 12 năm.

4. Những hành vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu vô ý làm chết nạn nhân, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm”.

Điều 112: Tội cố ý gây tổn hại nặng vừa cho sức khỏe

“1. Cố ý gây tổn hại nặng vừa cho sức khỏe không nguy hiểm đến tính mạng và không gây ra hậu quả quy định tại Điều 111 Bộ luật này, nhưng làm suy giảm sức khỏe lâu dài hay làm mất đáng kể vĩnh viễn khả năng lao động chung với tỷ lệ dưới 1/3, thì bị phạt giam từ ba tháng đến sáu tháng hoặc bị phạt tù đến 3 năm.

2. Cũng hành vi đó, nếu:

a) Được thực hiện đối với hai người trở lên;

b) Được thực hiện đối với người hoặc người thân thích của người đó liên quan đến việc thực hiện công vụ hoặc nghĩa vụ xã hội của người này;

c) Do một nhóm người, một nhóm người có thỏa thuận trước hoặc một nhóm người có tổ chức thực hiện;

d) Được thực hiện một cách đặc biệt tàn ác, nhạo báng hoặc gây đau đớn cho nạn nhân;

đ) Được thực hiện vì động cơ côn đồ;

e) Được thực hiện vì động cơ hận thù dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, hoặc huyết thống;

g) Được thực hiện nhiều lần hoặc do người trước đây đã phạm tội cố ý gây tổn hại nặng cho sức khỏe hoặc giết người theo quy định tại Điều 105 Bộ luật này thực hiện thì bị phạt tù đến năm năm”.

Điều 115: Tội cố ý gây tổn hại nhẹ cho sức khỏe

“Cố ý gây tổn hại nhẹ cho sức khỏe, làm suy giảm sức khỏe trong thời gian ngắn hay làm mất vĩnh viễn không đáng kể khả năng lao động chung, thì bị phạt tiền từ năm mươi lần đến một trăm lần mức thu nhập tối thiểu hay mức lương hay thu nhập khác của người bị kết án trong thời gian đến một tháng hoặc bị phạt lao

động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ hoặc bị phạt lao động cải tạo đến một năm hoặc bị phạt giam từ hai tháng đến bốn tháng”.

So sánh với BLHS 1999 của Việt Nam ta thấy được TNHS (hình phạt) mà người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu thấp hơn ở nước ta. Bên cạnh đó, điểm đáng chú ý của BLHS 1996 Liên bang Nga là Bộ luật này chia tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe thành ba mức tổn hại khác nhau: tổn hại nặng cho sức khỏe (Điều 111); tổn hại nặng vừa cho sức khỏe (Điều 112) và gây tổn hại nhẹ cho sức khỏe (Điều 115). Trong mỗi điều luật lại có sự giải thích chi tiết, như thế nào là cố ý gây tổn hại nặng; thế nào là cố ý gây tổn hại nặng vừa và thế nào được coi là tổn hại nhẹ. Việc quy định như thế này tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật xác định TNHS mà hành vi phạm tội này phải chịu.

1.3.2. Bộ luật hình sự của Trung Quốc

BLHS Trung Quốc thông qua ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980. Luật sửa đổi, bổ sung BLHS này được sửa đổi vào năm 1997, có hiệu lực từ ngày 01/10/1997. Sau đó, từ năm 1997, BLHS Trung Quốc được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1999, 2001, 2002 và gần đây nhất là 2005, gồm hai phần: phần chung và phần các tội phạm với 12 chương 192 điều. Tội cố ý gây thương tích cho người khác được quy định tại điều 234 chương 4 các tội xâm phạm quyền tự do thân thể, quyền dân chủ của công dân.

Theo quy định tại Điều 234 BLHS Trung Quốc:

“Người nào cố ý gây thương tích cho người khác, thì bị phạt tù đến 3 năm, cải tạo lao động hoặc quản chế.

Người nào phạm tội nói trên, dẫn đến làm người khác bị thương tích nặng, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm; nếu dẫn đến chết người hoặc có những thủ đoạn tàn nhẫn làm trọng thương người khác dẫn đến tàn tật thì bị phạt tù từ 10 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình. Nếu bộ luật này có quy định riêng thì xử theo quy định đó”.

Theo đó, quy định về TNHS phải chịu đối người phạm tội cố ý gây thương tích là nặng và nghiêm khắc hơn so với BLHS Việt Nam (có hình phạt tử hình). Bên

cạnh đó, chúng ta thấy quy định trong điều luật còn chung chung, giản đơn, chưa khái quát, không quy định rõ các điểm trong điều khoản, không quy định cụ thể về hậu quả thương tích, vấn đề này dễ dẫn đến lạm dụng luật theo ý chủ quan, cũng như gặp khó khăn trong xác định TNHS tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội gây ra. Bên cạnh đó, phải nói đến quy định mở trong BLHS Trung Quốc đó là “*Nếu bộ luật này có quy định riêng thì xử theo quy định đó*”. Điều này giúp cho việc vận dụng linh hoạt pháp luật khi có sự thay đổi về chính sách, pháp luật.

1.3.3. Bộ luật hình sự của Nhật Bản

BLHS Nhật Bản bao gồm 40 chương và 263 điều. Khác với BLHS Việt Nam, BLHS Nhật Bản quy định về tội cố ý gây thương tích được quy định ở nhiều điều luật khác nhau, tại chương 27 từ Điều 204 đến 208 của Bộ luật. Cụ thể:

Điều 204: Tội cố ý gây thương tích:

"Người nào gây thương tích cho người khác thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến 10 năm hoặc bị phạt tiền đến ba trăm ngàn Yên hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ".

Điều 205: Tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người:

"1. Người nào gây thương tích cho người khác mà dẫn đến chết người thì bị phạt tù có lao động bắt buộc từ 2 năm trở lên."

2. Khi tội phạm quy định tại khoản 1 trên đây được thực hiện đối với ông bà của mình hoặc của vợ (hoặc chồng) mình thì bị phạt tù chung thân có lao động bắt buộc từ 3 năm trở lên".

Trong BLHS Nhật bản quy định về trách nhiệm đối với hành vi phạm tội cố ý gây thương tích không quá cao, có sự phân định rõ về TNHS đối với từng hành vi, nhưng về mặt lập pháp còn mang tính rời rạc, trong đó, vẫn chưa làm rõ được tính chất, mức độ nguy hiểm (tỷ lệ thương tật) mà hành vi phạm tội gây ra để làm cơ sở cho việc xác định TNHS đối với người phạm tội.

Bên cạnh đó, BLHS Nhật Bản lại có một số ưu điểm như:

Điều 206 quy định về việc khuyến khích việc gây thương tích: “Người nào có mặt tại nơi xảy ra tội phạm quy định tại Điều 204 và 205 trên đây mà khuyến khích người phạm tội thực hiện tội đó thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến một năm hoặc bị phạt tiền đến một trăm ngàn Yên hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ, thậm chí, bản thân người đó không gây một thương tích nào cho ai cả”.

Điều 208 BLHS Nhật Bản quy định về việc dùng vũ lực và biện pháp xử lý: “Người nào dùng vũ lực đối với người khác mà không gây thương tích cho họ thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến hai năm hoặc bị phạt tiền đến ba trăm ngàn Yên, bị phạt giam hình sự hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ”.

Và trường hợp tụ tập chuẩn bị hung khí nhằm mục đích gây thương tích cho người khác, tương ứng với quy định về chuẩn bị phạm tội trong BLHS Việt Nam.

“1. Hai hoặc nhiều người tụ tập nhằm mục đích cùng nhau giết người hoặc gây thương tích hay gây thiệt hại đến tài sản người khác thì những người tụ tập có chuẩn bị vũ khí nguy hiểm hoặc biết rằng vũ khí nguy hiểm đã được chuẩn bị sẽ bị phạt tù có lao động bắt buộc đến 2 năm hoặc bị phạt tiền đến ba trăm ngàn Yên.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 trên đây, người nào chuẩn bị vũ khí nguy hiểm hoặc biết rằng vũ khí nguy hiểm đã được chuẩn bị mà ép buộc người khác tụ tập thì bị phạt tù có lao động bắt buộc đến ba năm”.

Điều này cho thấy được, quyền được bảo vệ về sức khỏe, tính mạng của con người rất được quan tâm, bảo vệ. BLHS Nhật Bản thể hiện được sự phân hóa về TNHS đối với từng trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích nhưng chưa đầy đủ cũng như chưa hoàn thiện về kỹ thuật lập pháp, còn mang tính chung chung, chưa rõ về tình tiết định khung hình phạt.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, luận văn đã tập trung làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản sau đây: Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm về TNHS nói chung và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để đưa ra được khái niệm, đặc điểm của TNHS đối với loại tội phạm này. Bên cạnh đó, đã làm rõ lịch sử pháp điển hóa TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong lịch sử xây dựng, phát triển luật hình sự Việt Nam và nghiên cứu làm rõ quy định TNHS đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong BLHS một số nước trên thế giới như: Liên bang Nga; Trung Quốc và Nhật Bản.

Những kết luận trong chương 1 sẽ làm nền tảng, căn cứ lý luận để giải quyết các vấn đề nghiên cứu trong chương 2 của luận văn.

Chương 2

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

2.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo BLHS

Các dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tội phạm mang tính chất đặc trưng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cho phép xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phân biệt giữa tội phạm này với tội phạm khác. Đồng thời nó còn là cơ sở để truy cứu TNHS, xác định TNHS và định tội danh một cách chính xác, đúng pháp luật, Tòa án dựa vào đó để đưa ra bản án phù hợp với hành vi phạm tội này.

Căn cứ vào nội dung quy định của điều luật, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là tội phạm cụ thể được quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định

tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”

Về mặt lý luận, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có đầy đủ các yếu tố cấu thành sau:

2.1.1. Khách thể của tội phạm

Trong khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn các ý kiến đều thống nhất “*Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại. Bất cứ hành vi phạm tội nào cũng đều gây thiệt hại cho một số quan hệ xã hội nhất định được luật hình sự bảo vệ. Không có sự xâm hại quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thì không có tội phạm*” [27, tr.71]. Đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, người phạm tội đã xâm hại quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về sức khỏe của người khác. Bởi vì con người là chủ thể của hầu hết mọi quan hệ xã hội, khi quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người bị xâm phạm nó làm phá vỡ sự ổn định của các quan hệ xã hội. Như vậy, khách thể của tội phạm này là sức khỏe của người khác.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe của con người thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, cụ thể là nó gây ra tổn hại về sức khỏe của con người ở một dạng nhất định nào đó (tỷ lệ thương tật, mạng sống). Đối tượng tác động là sức khỏe của trẻ em, người già, phụ nữ có thai, người không có khả năng tự vệ, thì TNHS đặt ra đối với người phạm tội sẽ nặng hơn. Việc xác định đúng đối tượng tác động của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vô cùng quan trọng trong việc truy cứu TNHS. Bởi lẽ nếu đối tượng tác động không phải sức khỏe con người, không phải người còn sống thì không xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe, nên không phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hoặc có những trường hợp, một người nào đó tự gây thương tích cho chính bản thân vì một lý nào đó (ví dụ để lấy trốn tránh nghĩa vụ quân sự) thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 134 BLHS, không bị truy cứu TNHS theo Điều 134 BLHS.

2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm

Các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm mang ý nghĩa quan trọng trong việc định tội, định khung hình phạt, xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

TNHS và xác định mặt chủ quan của tội phạm. Trong pháp luật hình sự Việt Nam “*Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm tác động vào quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ nhằm gây nên hoặc đe dọa gây nên những thiệt hại nhất định cho quan hệ xã hội đó*” [25, tr.100]. Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, bao gồm: hành vi khách quan của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hậu quả nguy hiểm cho xã hội mà Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác gây ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và hậu quả thực tế xảy ra. Trong đó, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản và quan trọng nhất. Các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan như: hậu quả, mối quan hệ nhân quả, công cụ, phương tiện phạm tội... chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan. Hay nói cách khác không thể có trường hợp truy cứu TNHS với người không thực hiện hành vi khách quan.

Hành vi khách quan đó phải có sự kiểm soát của ý thức và điều khiển bởi ý chí của người thực hiện hành vi phạm tội mới phải là hành vi khách quan của loại tội phạm này. Hành vi khách quan của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thể hiện thông qua hành động dùng chân tây đâm, đá, dùng dao kiếm đâm chém... Hành động phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm thay đổi tình trạng bình thường sức khỏe con người, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Bên cạnh đó có thể là không hành động thông qua người khác (thuê, mượn người khác gây thương tích) hoặc súc vật (thả chó cắn, trâu húc, bò đá)... cũng là hình thức của hành vi khách quan của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Mà hành động hoặc không hành động này bị pháp luật cấm, pháp luật hình sự quy định là tội phạm, chính vì vậy phải chịu TNHS đối với hành vi đã thực hiện.

Vấn đề hậu quả nguy hiểm do hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, ngoài việc xác định mối quan hệ nhân quả

giữa hành vi thì cần phải xác định tỷ lệ thương tật để làm cơ sở truy cứu TNHS mà người phạm tội phải chịu. Cơ sở để đánh giá mức độ thương tật là kết quả giám định pháp y căn cứ vào bản tiêu chuẩn thương tật ban hành kèm theo thông tư số 12/TTLB Liên bộ Y tế, Bộ Lao động thương binh và xã hội ngày 26/07/1995 quy định về tiêu chuẩn thương tật, cụ thể là:

+ Đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tỷ lệ thương tật của nạn nhân phải từ 11% trở lên (khi đó TNHS mới được đặt ra). Nếu tỷ lệ thương tật dưới 11% thì phải thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 mới cấu thành Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và phải chịu TNHS. Cụ thể:

a. *Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người:*

Có thể là súng, lựu đạn, thuốc nổ, dao găm, lê, vật sắc nhọn,... đây là những thứ có khả năng gây sát thương cao, ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng của người bị hại. Dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người là thủ đoạn gây thương tích hoặc tổn hại cho người khác có khả năng gây ra hậu quả đó không chỉ cho một người mà cho nhiều người như thủ đoạn bỏ hóa chất gây ngộ độc vào thức ăn chung của gia đình, dùng axit tạt vào đám đông... Hành vi này về bản chất là rất nguy hiểm, dưới 11% nhưng cho nhiều người hoặc có thể là tính mạng.

Theo quy định tại Điều 134, khi một người dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người để thực hiện hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật dưới 11% cũng đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bởi vì, việc dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người làm tăng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nên đây là tình tiết định khung tăng nặng TNHS.

Mặc dù chưa có hướng dẫn đối với luật mới, nhưng tại tiểu mục 3.1, mục 3, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn: “Dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của BLHS 1999 là trường hợp dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại các tiêu 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị

quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17.4.2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao để Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Tại các tiêu mục 2.1 và 2.2 mục 2 của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP nêu trên đã hướng dẫn: “2.1. Vũ khí là một trong các loại vũ khí được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (ban hành kèm theo Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ). 2.2. Phương tiện nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công. a. Về công cụ, dụng cụ: Ví dụ: búa đinh, dao phay, các loại dao sắc, nhọn... b. Về vật mà người phạm tội chế tạo ra: Ví dụ: thanh sắt mài nhọn, côn gỗ, chĩa... c. Về vật có sẵn trong tự nhiên: như gạch, đá, gậy...”

b. *Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm:*

Thực tiễn thời gian qua cho thấy có nhiều vụ việc người phạm tội gây thương tích cho nạn nhân bằng cách tạt axit hoặc một số loại hóa chất có tính nguy hiểm cao. Qua giám định thương tích, có thể tỷ lệ thương tích không lớn nhưng hậu quả để lại cho nạn nhân là vô cùng nghiêm trọng, hủy hoại cuộc sống, tương lai của nạn nhân, gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho họ và người thân trong suốt cuộc đời, như: về thẩm mỹ hình thức bên ngoài của nạn nhân; để lại di chứng như phải cắt bỏ một bộ phận thân thể;... đó là chưa kể đến việc dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm bên cạnh việc gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của một người mà nó còn có khả năng gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của nhiều người là rất cao. Những hành vi này gây hoang mang, bức xúc và bất bình lớn trong quần chúng nhân dân. Mức hình phạt đối với hành vi này không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi chỉ căn cứ vào tỷ lệ thương tích của nạn nhân. Do vậy, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung tình tiết “*dùng axit nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm*” là tình tiết định tội.

c. Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ:

Người chưa đủ 16 tuổi căn cứ vào giấy khai sinh hoặc kết quả giám định. Phụ nữ đang có thai do người phạm tội nhận biết được hoặc nghe người khác nói. Việc xác định có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của bác sĩ. Người già yếu là người từ 70 tuổi trở lên, sinh hoạt, đi lại khó khăn... Người ốm đau là người đang bị bệnh tật, có thể điều trị ở bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân hoặc tại nhà riêng của họ. Người không có khả năng tự vệ là người bị tật nguyên, không có công cụ, phương tiện để tự vệ.

d. Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình:

Ông, bà gồm: ông nội, bà nội (người sinh ra cha của người phạm tội); ông ngoại, bà ngoại (người sinh ra mẹ của người phạm tội); cha, mẹ là người đã sinh ra người phạm tội. Cha, mẹ nuôi là người nhận người phạm tội làm con nuôi được pháp luật thừa nhận. Người nuôi dưỡng là người chăm sóc, quản lý, giáo dục như vai trò của cha mẹ mình. Thầy giáo, cô giáo của mình là người trực tiếp giảng dạy mình về văn hóa, chuyên môn, nghề nghiệp... Người chữa bệnh cho mình là bác sĩ, thầy thuốc, ... trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chữa bệnh cho đối tượng.

- Chỉ áp dụng tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 134 của BLHS để xét xử bị cáo khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Nạn nhân phải là thầy giáo, cô giáo tức là người đã hoặc đang làm công tác giảng dạy theo biên chế hoặc theo hợp đồng tại cơ quan, tổ chức có chức năng giáo dục, đào tạo, dạy nghề được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

+ Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề của họ đối với bị cáo, không phân biệt nhiệm vụ đó đã được thực hiện hay đang được thực hiện và không kể thời gian dài hay ngắn.

+ Tỷ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11%.

- Chỉ áp dụng tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 134 của BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 134 của BLHS khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Các điều kiện được hướng dẫn tại các điểm a.1 và a.2 tiểu mục 3.3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 05 năm 2006.

+ Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 11% đến 30%.

- Chỉ áp dụng tình tiết "đối với thầy giáo, cô giáo của mình" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 134 của BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 134 của BLHS khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Các điều kiện được hướng dẫn tại các điểm a.1 và a.2 tiểu mục 3.3 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 05 năm 2006.

+ Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 31% đến 60%.

đ. *Có tổ chức:*

Là số người phạm tội có từ hai người trở lên khi thực hiện hành vi phạm tội giữa họ có sự phân công trách nhiệm và cấu kết chặt chẽ với nhau. Hay nói cách khác, đây là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm.

e. *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn:*

Theo Khoản 2 Điều 352 BLHS năm 2015, quy định: “*Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ*”.

Như vậy, có rất nhiều căn cứ khác nhau để xác định một người có chức vụ như do được bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác... Hình thức khác ở đây có thể hiểu là bất cứ hình thức nào mà gắn những quyền hạn nhất định của chủ thể với chức vụ mà họ có. Người có chức vụ, quyền hạn có thể được hiểu một cách ngắn gọn là “người được giao thực hiện công vụ (mang tính chất hợp pháp) và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ đó”. Chẳng hạn: Bác sĩ được giao nhiệm vụ khám sức khoẻ để tuyển dụng cán bộ, viên chức;

thủ kho được giao nhiệm vụ quản lý kho hàng của công ty, dân phòng đang đuổi bắt tội phạm... Những người này được coi là người có chức vụ, quyền hạn bởi vì họ được giao thực hiện công vụ vì lợi ích chung của một tập thể nhất định hoặc toàn xã hội và có những quyền năng nhất định trong khi thi hành công vụ, thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được xác định là tình tiết định tội do nó thể hiện ở việc làm tăng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, hành vi thực hiện tội phạm của những người có chức vụ, quyền hạn có thể gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, làm giảm uy tín của nhà nước, của tổ chức... đối với các tầng lớp nhân dân, hành vi tội phạm này thông thường khó phát hiện, xử lý, tỷ lệ tội phạm ẩn là khá cao do bị che dấu bởi chức vụ, quyền hạn của đối tượng phạm tội.

g. Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

Để xác định người phạm tội có đang trong thời gian chấp hành những biện pháp như đã nói cần căn cứ vào quyết định bằng văn bản có giá trị, hiệu lực pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền.

h. Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê:

- Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là thủ phạm không trực tiếp hành động mà dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác hoặc tinh thần để yêu cầu người khác thực hiện hành vi phạm tội.

- Gây thương tích do được thuê là hành vi của một người nào nếu thực hiện theo yêu cầu của người đi thuê thì sẽ nhận được những lợi ích nhất định nên họ đã thực hiện hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

i. Có tính chất côn đồ:

Côn đồ được hiểu là những đối tượng coi thường pháp luật, thích và sẵn sàng sử dụng vũ lực để buộc người khác khuất phục mình, vô cớ hoặc vì một nguyên do nhỏ nhặt là đâm, chém, giết người, đánh người. Hành động của chúng thường là phá rối trị an, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác.

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp thực hiện tội phạm có tính hung hãn cao, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác; gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen; đâm, chém, đánh người dã man...

k. Đối với người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân:

Công vụ là công việc được Cơ quan nhà nước hoặc Tổ chức xã hội giao cho một cá nhân cụ thể. Người thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn nhất định trong Cơ quan nhà nước hoặc Tổ chức xã hội, thi hành các công việc được Cơ quan nhà nước hoặc Tổ chức xã hội giao cho hoặc công dân được huy động để làm nhiệm vụ theo kế hoạch của nhà nước, phục vụ lợi ích của nhà nước.

Gây thương tích cho người thi hành công vụ là trường hợp mà nạn nhân là người đang thi hành nhiệm vụ do Cơ quan nhà nước, Tổ chức xã hội giao cho vì lợi ích chung của nhà nước, xã hội hoặc gây thương tích vì lý do công vụ của nạn nhân là trong trường hợp nhiệm vụ mà nạn nhân được giao có ảnh hưởng trực tiếp đến người phạm tội nên thủ phạm đã chủ động gây thương tích cho nạn nhân. Động cơ của hành vi gây thương tích gắn liền với việc thi hành công vụ của nạn nhân. Trường hợp gây thương tích để cản trở người thi hành công vụ mà hậu quả không xảy ra, nạn nhân không bị thương tích hoặc tỷ lệ thương tật không đáng kể (không đủ để truy cứu TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) thì người phạm tội có thể bị truy cứu TNHS về Tội chống người thi hành công vụ.

2.1.3. Chủ thể của tội phạm

Theo Luật hình sự Việt Nam hiện nay đã công nhận chủ thể một số tội phạm đối với pháp nhân thương mại nhưng không có quy định riêng về định nghĩa chủ thể của tội phạm (nhưng đối với loại tội phạm này chỉ xác định chủ thể tội phạm là con

người cụ thể). Căn cứ vào quy định của BLHS thì có thể hiểu: “*Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội một cách cố ý hoặc vô ý, có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo luật hình sự quy định*” [25, tr.127].

Chủ thể của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những người không mắc các bệnh về tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình và đạt độ tuổi chịu TNHS của tội phạm này là người đủ 16 tuổi trở lên, riêng người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS nếu phạm tội được quy định ở khoản 3, 4, 5 Điều 134 của BLHS.

Tóm lại: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã xâm phạm vào quyền bảo hộ về sức khỏe của con người; người phạm tội có hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, do lỗi cố ý. Tội cố ý gây thương tích được thực hiện bởi người có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi nhất định. Trong đó, dấu hiệu bắt buộc về mặt hậu quả của loại tội phạm này là để lại thương tích cho nạn nhân với tỷ lệ % thương tật theo luật định.

Về cách tính tuổi chịu TNHS theo quy định của BLHS thì độ tuổi ở đây là tuổi tròn “đủ 14 tuổi” hoặc “đủ 16 tuổi”. Trong thực tiễn cũng như trong lý luận việc xác định độ tuổi không phải bao giờ cũng dễ dàng, thông thường việc xác định độ tuổi căn cứ theo Giấy đăng ký khai sinh. Tuy nhiên không phải trong mọi trường hợp đều còn Giấy khai sinh, hoặc giấy khai sinh không chính xác... Để khắc phục vướng mắc trên TANDTC có hướng dẫn tại mục 11 phần II công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 về cách tính tuổi chịu TNHS của người phạm tội nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Theo chúng tôi quy định này là phù hợp và khoa học đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cũng như trừng trị thích đáng người phạm tội.

2.1.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Tội phạm luôn là một thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Trong pháp luật hình sự Việt Nam “*Mặt chủ quan của tội phạm là những diễn biến*

tâm lý bên trong của tội phạm bao gồm lỗi, động cơ và mục đích phạm tội” [25, tr.78]. Trong đó, lỗi là dấu hiệu bắt buộc, không thể truy cứu TNHS đối với hành vi không có lỗi, Khoản 1 Điều 8 BLHS có quy định: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự ... thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, ...”*.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thực hiện với lỗi cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp). Nghĩa là người phạm tội khi thực hiện hành vi nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả do hành vi mình thực hiện nhất định hoặc có thể gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác, nhưng mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả nạn nhân bị thương tích, bị tổn hại sức khỏe xảy ra. Việc xác định mặt khách quan chính xác là một trong những cơ sở quan trọng để xem xét mức độ TNHS phải chịu đối với người phạm tội.

Trong mặt chủ quan của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì động cơ và mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm này. Tuy nhiên, ở một số cấu thành tội phạm mà mặt khách quan cũng quy định hành vi gây ra thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, nhưng dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội lại được quy định là dấu hiệu bắt buộc thì việc xác định đúng động cơ, mục đích phạm tội sẽ giúp định đúng tội danh và phân biệt tội này với một số tội khác như: Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113 BLHS); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136 BLHS); Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137 BLHS).

2.2. Các hình thức trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

Theo lý luận về TNHS thì hình thức TNHS (còn được gọi là hình thức biểu hiện cụ thể của TNHS), gồm: thực hiện TNHS có kèm theo việc quyết định hình

phạt và thực hiện TNHS không kèm theo việc quyết định hình phạt, đây chính là hậu quả bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu do việc đã thực hiện tội phạm. Phổ biến nhất và nghiêm khắc nhất là hình phạt và kèm theo nó là án tích. Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng vậy, nó luôn gắn liền với hình phạt và án tích (trừ trường hợp được miễn TNHS; miễn hình phạt) vì hình phạt và án tích là hậu quả pháp lý của tội phạm. Việc bị đe dọa áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước là hình phạt là điều không tránh khỏi đối với tất cả các tội phạm nói chung và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định ngay trong chế tài của tội phạm (Điều 134 BLHS).

** Hình phạt:*

Các hình phạt chính đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) bao gồm: cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân. Trong Điều luật quy định Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với 06 khoản quy định về tội phạm và hình phạt, trong đó: 02 khoản quy định hình phạt cải tạo không giam giữ; 06 khoản quy định hình phạt tù có thời hạn; 01 khoản quy định hình phạt tù chung thân và không có khung nào quy định hình phạt đến tử hình. Đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác luật hình sự chỉ quy định hình phạt chính mà không quy định hình phạt bổ sung.

Tuy không quy định hình phạt bổ sung một cách chi tiết cụ thể tại Điều 134 nhưng về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì quyền quyết định hình phạt bổ sung đối với loại tội phạm này vẫn được thực hiện và nó được thể hiện trong bản án do Tòa án phán quyết đối với người phạm tội và phải đảm bảo các căn cứ được quy định được BLHS quy định, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 2, Điều 32 BLHS đối với người phạm tội. Vấn đề này hoàn toàn phù

hợp với lý luận về TNHS mà người phạm tội phải chịu nhằm ngăn ngừa hành vi phạm tội mới, giáo dục cải tạo người phạm tội...

** Biện pháp tư pháp và án tích:*

Đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, cụ thể là quyền bất khả xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người. Chính vì vậy, vấn đề án tích mà người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một phần TNHS mà người phạm tội phải chịu (trừ trường hợp được miễn TNHS; miễn hình phạt). Đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không thuộc tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia và nhóm tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh nên án tích mà người phạm tội này phải chịu được thực hiện đầy đủ theo quy định tại Chương X BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bên cạnh đó, Tòa án có thể áp dụng một số biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS đối với người phạm tội nếu thấy cần thiết và đảm bảo các căn cứ được quy định tại Chương VII của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở TP Biên Hòa

2.3.1. Khái quát tình hình Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn TP Biên Hòa

Trong thời gian từ năm 2013 đến 2017, tình hình tội phạm trên địa bàn TP Biên Hòa diễn ra khá phức tạp. Theo báo cáo tổng kết công tác năm của Công an TP, của các cơ quan bảo vệ pháp luật khác cho thấy: số vụ phạm tội có xu hướng ngày càng tăng về số vụ và số đối tượng, tội phạm ngày càng trẻ hóa, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Đối với Tội phạm cố ý gây thương tích cũng có xu hướng tăng, giảm không theo quy luật, nhưng nhìn chung ngày càng tăng về số vụ và số đối tượng, sử dụng hung khí nguy hiểm gia tăng, phương thức thủ đoạn ngày càng có sự cố kết hơn. Cụ thể thể hiện dưới bảng thống kê tại bảng phụ lục 2.1.

Qua số liệu thống kê tại bảng phụ lục 2.1: Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn TP Biên Hòa là loại tội phạm được xét xử sơ thẩm chiếm tỷ lệ cao trong các loại tội phạm đưa ra xét xử, bình quân chiếm 21,68 %/năm. Số bị cáo bị xét xử về tội này cũng chiếm tỷ lệ cao trong nhóm các bị cáo bị xét xử về số bị cáo bị đưa ra xét xử, bình quân chiếm 22,08 %/năm. Nếu xét về số vụ cũng như số người phạm tội thì tội phạm này chiếm tỷ lệ cao nhất trong các tội đưa ra xét xử.

- Xét xử phúc thẩm:

Qua thống kê tại bảng phụ lục 2.2 cho thấy, số vụ án cố ý gây thương tích được xét xử phúc thẩm cũng chiếm tỷ lệ cao trong nhóm các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, bình quân chiếm 14%/năm. Nguyên nhân của tình trạng này sẽ được tác giả làm rõ trong phần thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Hình phạt:

+ Xét xử sơ thẩm:

Qua thống kê tại bảng 2.3 cho thấy: hình phạt được áp dụng chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ 73,92%, phạt tù nhưng cho hưởng án treo chiếm tỷ lệ 13,62%, cải tạo không giam giữ chiếm tỷ lệ 12,46%.

+ Xét xử phúc thẩm:

Qua thống kê tại bảng 2.4 cho thấy: hình phạt được áp dụng chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ 76,32%, phạt tù nhưng cho hưởng án treo chiếm tỷ lệ 23,68%.

2.3.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội

Qua nghiên cứu các bản án đã được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội đối với tội này cho thấy:

+ Việc xác định khách thể của tội phạm:

Các bản án đã tuyên đều xác định rõ khách thể mà các bị cáo đã xâm hại khi thực hiện hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là đã xâm hại sức khỏe của người khác. Không có bản án nào được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm về tội trên xác định sai khách thể.

+ *Việc xác định mặt khách quan của tội phạm:*

Nghiên cứu các bản án đã được xét xử về tội phạm này cho thấy việc xác định mặt khách quan của Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là chính xác và đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật.

* *Về hậu quả xảy ra:*

Đối với tội phạm này, việc xác định hậu quả xảy ra mà cụ thể là tỷ lệ thương tích gây ra cho người bị hại là một vấn đề rất quan trọng trong việc áp dụng TNHS đối với người phạm tội. Hậu quả xảy ra ở 2 dạng:

- . Gây thương tích cho người khác.
- . Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Về việc xác định hậu quả: theo quy định tại Điều 104 thì hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải gây ra thương tích hoặc gây ra tổn hại cho sức khỏe của người khác phải có tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên mới cấu thành tội phạm, nếu dưới 11% phải thuộc các trường hợp được quy định từ điểm a đến điểm k Điều 104 BLHS. Qua nghiên cứu các bản án cho thấy, trong các bản án đều xác định rõ tỷ lệ thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác là bao nhiêu % sức khỏe, việc xác định tỷ lệ thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác đều căn cứ vào các kết luận giám định của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ *Việc xác định mặt chủ quan:* tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý. Lỗi cố ý bao gồm cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp. Qua nghiên cứu các bản án đã được xét xử về tội phạm này, đều xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với lỗi cố ý. Do đó việc xác định lỗi của bị cáo trong các vụ án Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho

sức khỏe của người khác là đúng pháp luật. Qua khảo sát thì không có trường hợp nào xác định sai về lỗi.

Như vậy, việc xác định hành vi phạm tội với lỗi cố ý đã thỏa các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm này theo quy định của BLHS.

+ *Chủ thể*:

Chủ thể của Tội cố ý gây thương tích là những người không mắc các bệnh về tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình và là người đủ 16 tuổi trở lên, riêng người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS nếu phạm tội được quy định ở khoản 3, khoản 4 Điều 104 của BLHS.

Việc xác định độ tuổi chủ thể của tội này được Tòa án căn cứ vào các loại giấy tờ được các cơ quan nhà nước cấp như giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hoặc thông qua cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát nhân dân. Qua nghiên cứu thì các bản án Tòa án đã tuyên đều áp dụng đúng các quy định của pháp luật về xác định chủ thể.

- *Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội trong trường hợp tỷ lệ thương tật dưới 11%:*

+ *Trường hợp người phạm tội “dùng hung khí nguy hiểm”:*

Qua thống kê xét xử thì trường hợp người phạm tội “dùng hung khí nguy hiểm” để thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác rất phổ biến (theo số liệu thống kê tại bảng phụ lục 2.10). Hung khí mà các người phạm tội thường sử dụng là các loại dao, gậy, gạch, tuýp sắt...khi áp dụng tình tiết này trong xét xử, ngoài việc căn cứ vào các quy định của BLHS, Tòa án cũng đã áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày của HĐPTAND tối cao.

Tuy nhiên khi áp dụng tình tiết này, do luật không quy định rõ tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại cho sức khỏe cho người khác tối thiểu là bao nhiêu phần trăm thì bị truy cứu TNHS, theo đó nếu người phạm tội “dùng hung khí nguy hiểm” để thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

mà tỷ lệ thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác là 1% cũng có thể bị truy cứu TNHS. Trong thực tế thì chưa có trường hợp nào bị xét xử rơi vào tình tiết trên, mà chỉ có một số vụ người phạm tội “dùng hung khí nguy hiểm” để thực hiện hành vi phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người mà tỷ lệ thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác từ 5% đến 10%.

Tại các bản án xét xử các bị cáo phạm tội rơi vào trường hợp trên, Tòa án đã đánh giá: hành vi của các bị cáo xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, hành vi của các bị cáo thực hiện do cố ý, các bị cáo biết rõ dùng búa, dao, mã, tấu... là hung khí nguy hiểm, sẽ gây thương tích cho bị hại nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình ANTT của địa phương.

Trong các trường hợp này, Tòa đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, lỗi của các bị cáo, chủ thể, tỷ lệ thương tích được xác định là dưới 11%, công cụ mà các bị cáo đã sử dụng là búa, dao, gậy, mã tấu,... để áp dụng tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm” theo điểm a khoản 1 Điều 104 là đúng quy định của pháp luật.

+ *Trường hợp “phạm tội có tính chất côn đồ”:*

Đối với trường hợp này qua nghiên cứu các bản án cho thấy:

Tòa đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, lỗi của các bị cáo, chủ thể, tỷ lệ thương tích được xác định là dưới 11% nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội có tính hung hãn cao, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác; gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen... để áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ *Trường hợp “có tổ chức”:*

Trường hợp này qua nghiên cứu bản án cho thấy: Tòa căn cứ vào sự cố kết giữa các thành viên cùng tham gia gây thương tích, ý thức chủ quan của từng người, cũng như sự thỏa thuận trước khi gây án để xác định có đồng phạm hay không, căn cứ vào vai trò của từng cá nhân, hành vi của từng người để áp dụng TNHS đối với

từng bị cáo. Như vậy là đảm bảo các quy định của pháp luật và công bằng về pháp luật hình sự đối với các bị cáo.

+ *Trường hợp “để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân”*:

Trường hợp này Tòa án cũng đã tiến hành xét xử 18 vụ. Qua khảo sát các trường hợp trên, Tòa án đã căn cứ vào tỷ lệ thương tích dưới 11% nhưng do bị cáo thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích vì lý do công vụ của nạn nhân, từ đó Tòa án đã áp dụng điểm k khoản 1 Điều 104 là hoàn toàn chính xác.

Qua nghiên cứu thì các trường hợp phạm tội mà tỷ lệ thương tật của người bị hại dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp: Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người; Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ; Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê không xảy ra.

2.3.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về hình phạt

Về cơ bản việc quyết định hình phạt trong các vụ án đã thể hiện được sự áp dụng đúng đắn các căn cứ quyết định hình phạt theo luật định. Những phân tích của Tòa án trong các bản án về phần quyết định hình phạt đã cho thấy sự cân nhắc kỹ càng, lập luận chắc chắn và có tính thuyết phục của cơ quan xét xử. Có như vậy mới tạo được sự công bằng về TNHS mà người phạm tội phải chịu đối với hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà mình đã thực hiện.

Bên cạnh đó, việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác qua nghiên cứu có một số vấn đề sau đây:

- *Đối với cấu thành cơ bản của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.*

Việc quyết định hình phạt đã căn cứ vào các quy định của Pháp luật hình sự,

cụ thể là áp dụng khoản 1 Điều 104; áp dụng điều 46 quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS; điều 47 quy định về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật và các quy định có liên quan; Căn cứ vào khách thể bị xâm hại, hành vi cụ thể, hậu quả của hành vi phạm tội, lỗi...để đánh giá, quyết định hình phạt cho phù hợp với từng trường hợp phạm tội.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 104 thì “*Người nào Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...*”.

Theo thống kê, đối với dấu hiệu cấu thành cơ bản của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì hình phạt được áp dụng chủ yếu là tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo. Tòa án đã dựa trên các tình tiết giảm nhẹ TNHS như: người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để và các quy định của pháp luật làm căn cứ trong việc quyết định hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hầu như không được áp dụng đối với cấu thành cơ bản của tội phạm này.

Đối với việc quyết định hình phạt ở cấu thành cơ bản của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, qua nghiên cứu các bản án có kháng cáo có một số vấn đề sau đây:

+ Tòa án Cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã bỏ sót các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo dẫn đến việc tuyên hình phạt nặng hơn so với quy định của BLHS.

Cũng qua nghiên cứu các bản án cho thấy các bị cáo bị áp dụng án treo là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên có một số trường hợp việc áp dụng án treo không đúng với các quy định của pháp luật.

Qua khảo sát các bản án có kháng cáo về hình phạt đã tuyên chủ yếu xuất phát

từ việc Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã bỏ sót các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo, dẫn đến việc tuyên hình phạt nặng hơn so với quy định của BLHS.

- Đối với cấu thành tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại khoản 2 Điều 104:

Đối với việc quyết định hình phạt theo khoản này, Tòa án cũng căn cứ vào những yếu tố tương tự khoản 1, tuy nhiên việc quyết định hình phạt khó khăn hơn so với khoản 1. Đối với hình phạt được áp dụng khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Hình phạt được áp dụng trong trường hợp trên là hình phạt tù, mức tối thiểu là 2 năm tù, mức tối đa là 7 năm tù, chênh lệch giữa mức tối thiểu và mức tối đa là 5 năm tù. Chênh lệch giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt là khá lớn. Từ quy định của pháp luật như vậy, cho nên trong thực tế khi áp dụng các quy định về vấn đề này cũng rất khó khăn.

Đối với việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để quyết định hình phạt có một số vấn đề sau đây:

+ Tòa án Cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã bỏ sót các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo dẫn đến việc tuyên hình phạt nặng hơn so với quy định của BLHS, mức chênh lệch về hình phạt tù ít nhất là 2 tháng, cao nhất là 18 tháng.

+ Trong một số vụ án, Tòa phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm của Tòa sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo. Xuất phát từ các lí do như Tòa sơ thẩm bỏ sót các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo.

Qua khảo sát cũng cho thấy không có trường hợp nào Tòa phúc thẩm tăng hình phạt tù có thời hạn đã được Tòa sơ thẩm tuyên.

- Đối với cấu thành tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại khoản 3 Điều 104

Việc quyết định hình phạt cũng có tình trạng như đối với khoản 2 của Điều 104 BLHS. Đối với khoản 3, thì phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức

khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm. Chênh lệch giữa mức tối thiểu và mức tối đa 10 năm tù, đây là mức chênh lệch rất lớn.

Trong thực tế thì án có tỷ lệ kháng cáo nhiều rơi vào trường hợp này và phần lớn khi xét xử phúc thẩm, Tòa phúc thẩm quyết định hình phạt của các bị cáo nhẹ hơn hình phạt của bị cáo bị Tòa sơ thẩm tuyên. Mức chênh lệch về hình phạt qua nghiên cứu cao nhất là 1 năm tù, thấp nhất là 6 tháng tù.

Bên cạnh đó còn có nhiều trường hợp Tòa sơ thẩm tuyên hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thậm chí một số trường hợp tuyên hình phạt nhẹ hơn mức thấp nhất của khung hình phạt, dẫn đến kháng cáo kháng nghị lên Tòa phúc thẩm.

Kết luận chương 2

Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm xảy ra và được xét xử chiếm tỷ lệ lớn trong các tội phạm hình sự tại TP Biên Hòa. Trong nội dung chương 1 của luận văn, tác giả đã đưa ra được khái niệm, đặc điểm của TNHS đối với loại tội phạm này. Bên cạnh đó, đã làm rõ lịch sử pháp điển hóa TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong lịch sử xây dựng, phát triển luật hình sự Việt Nam và nghiên cứu làm rõ quy định TNHS đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong BLHS một số nước trên thế giới như: Liên bang Nga; Trung Quốc và Nhật Bản.

Trong chương 2 của luận văn, trên cơ sở các quy định của pháp luật, tác giả đã nghiên cứu làm rõ cấu thành tội phạm, các dạng TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhằm làm cơ sở cho việc áp dụng TNHS đối với loại tội phạm này được đầy đủ, đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, trong chương 2 tác giả còn nghiên cứu thực trạng tình hình Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn TP Biên Hòa; nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, trong đó khảo sát cụ thể về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội, định khung, hình phạt... Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử cho thấy, trong quá trình xét xử Tòa án luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Áp dụng đúng TNHS mà bị cáo phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, không để xảy ra oan sai.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. Sự cần thiết và cơ sở nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.1. Những kết quả đạt được

Cũng như tất cả các nhóm tội, các loại tội phạm khác được quy định trong BLHS tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vẫn còn tồn tại những hạn chế, vướng mắc, có một số quy định, hướng dẫn không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, cũng như việc áp dụng các quy định của pháp luật vào giải quyết những vụ án cụ thể đòi hỏi các nhà làm luật phải hoàn thiện quy định về TNHS đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để việc áp dụng các quy định pháp luật có hiệu quả cao.

Nhìn chung, công tác thụ lý, giải quyết án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của ngành TAND TP Biên Hòa đã đạt được những kết quả khả quan. Trong quá trình xét xử Tòa án luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các loại án được giải quyết một cách thận trọng, kịp thời. Đánh giá đúng tính chất mức độ, hành vi phạm tội, áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với từng bị cáo trong từng vụ án, chất lượng xét xử án được nâng lên, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội đúng pháp luật không có án oan sai. Tuy nhiên, trong số án hình sự có án bị hủy, cấp phúc thẩm hủy do bỏ lọt tội phạm, vẫn còn án bị sửa so với án sơ thẩm.

- Về xét xử các vụ án Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác về cơ bản việc áp dụng pháp luật về các tình tiết định tội, định khung, quyết định hình phạt là có căn cứ rõ ràng, chặt chẽ, đúng pháp luật.

- Trong việc áp dụng pháp luật về các tình tiết định tội đã làm rõ được các yếu tố cấu thành tội phạm của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Không có trường hợp định sai tội danh như từ Tội cố ý gây thương tích sang Tội giết người và ngược lại. Việc áp dụng các tình tiết định tội liên quan đến tội này về cơ bản là có cơ sở, có căn cứ và đúng pháp luật.

- Trong việc áp dụng pháp luật về các tình tiết định khung cũng đảm bảo áp dụng đúng các quy định của Pháp luật hình sự, không có trường hợp nào nhằm lẫn các tình tiết định khung, định tội với các tình tiết tăng nặng TNHS.

- Trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt về cơ bản rất chặt chẽ, đảm bảo áp dụng đúng pháp luật về quyết định hình phạt, phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, vừa có tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội.

Bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề hạn chế:

3.1.2. Hạn chế, vướng mắc

- Hạn chế về quy định của pháp luật hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

+ Điều 104 BLHS quy định, người có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng nếu có thêm một trong các dấu hiệu được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 thì vẫn cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, điều luật lại không quy định rõ mức tỷ lệ thương tật tối thiểu là bao nhiêu % để truy cứu TNHS, nên có trường hợp người gây thương tích cho người khác làm tổn hại 1% sức khỏe cũng có thể bị truy cứu TNHS.

+ Trong quy định của BLHS không mô tả hành vi khách quan của Tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực tế ít áp dụng tội này mà thường chỉ áp dụng Tội cố ý gây thương tích cho người khác dẫn đến khó vận dụng trong thực tiễn, nhiều trường hợp định tội không chính xác, áp dụng TNHS cũng vì thế mà không được khách quan.

+ BLHS quy định nhiều tội danh trong cùng một điều luật (tội phạm ghép), trong đó, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là

một điển hình, với chế tài, khung hình phạt chung cho tất cả các hành vi phạm tội là chưa hợp lý, gây khó khăn cho việc định tội danh và quyết định hình phạt chính xác, công bằng vì tính chất, mức độ nguy hiểm của mỗi loại hành vi không giống nhau vì thế mà TNHS phải chịu cũng phải thể hiện được sự khác nhau, như vậy mới có thể đảm bảo được sự công bằng về pháp luật hình sự.

+ *Quy định về tình tiết “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân”*:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự có quy định tình tiết “*gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*” là tình tiết định tội trong trường hợp tỷ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11%, theo quy định này thì trường hợp người bị hại có tỷ lệ thương tật dưới 11% mà bị “*cố tật nhẹ*” là dấu hiệu định tội theo khoản 1 Điều 104, đồng thời là dấu hiệu định khung hình phạt theo khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS. Chính quy định này của Điều 104 Bộ luật hình sự nên trong thực tiễn xét xử đã có nhiều trường hợp gây tranh cãi. Nếu theo quy định của khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS thì người bị hại bị gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc từ 31% đến 60%, thậm chí từ 61% trở lên vẫn có trường hợp bị cố tật nhẹ. Ví dụ: A gây thương tích cho B nhiều vết thương có tỷ lệ thương tật là 25%, nhưng trong đó có vết thương làm cứng khớp các khớp liên đốt ngón tay giữa (III) ở tư thế bất lợi có tỷ lệ thương tật 9%, còn các vết thương khác không gây cố tật có tỷ lệ thương tật 16%. Trường hợp này A bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự, ngược lại cũng có trường hợp tỷ lệ thương tật của nạn nhân trên 31% nhưng lại không bị cố tật, kể cả cố tật nhẹ. Tuy nhiên, thực tế thì nạn nhân có tỷ lệ thương tật càng cao thì thường để lại cố tật không phải là nhẹ mà nhiều trường hợp rất nặng.

Vấn đề đặt ra là cần phải giải quyết và cũng là vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau, đó là: vậy trong trường hợp nạn nhân bị “*cố tật nặng*” (tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên), mà không thuộc trường hợp bị “*cố tật nhẹ*” có tỷ lệ thương tật dưới 11% thì áp dụng TNHS như thế nào?

Quan điểm thứ nhất cho rằng, khoản 2, khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự chỉ quy định nếu tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 11% đến 30%, nhưng thuộc trường

hợp quy định tại điểm b khoản 1 (gây cố tật nhẹ cho nạn nhân) thì người phạm tội bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 104, còn nếu nạn nhân có tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 (gây cố tật nhẹ cho nạn nhân) thì người phạm tội bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 104, nên trường hợp nạn nhân bị cố tật nặng thì người phạm tội sẽ “thoát”. Ví dụ: H dùng gậy đánh trúng mắt phải của K làm cho K phải khoét bỏ mắt phải có tỷ lệ thương tật là 45% thì H chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 104 BLHS chứ không chịu TNHS theo khoản 3 Điều 104 BLHS, vì cố tật của K không phải là cố tật nhẹ. Cách hiểu này, mới nghe có vẻ hợp lý vì điều luật chỉ quy định “*gây cố tật nhẹ*” mới bị “*vượt khung*” còn không phải “*cố tật nhẹ*” thì tỷ lệ thương tật ở khoản nào sẽ truy cứu TNHS theo khoản đó. Theo cách hiểu này, thì nạn nhân bị cố tật nặng, người phạm tội có lợi hơn trường hợp nạn nhân bị cố tật nhẹ.

Quan điểm thứ hai cho rằng, mặc dù điều luật chỉ quy định “*gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*” thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS theo khung hình phạt nặng hơn, nhưng không vì thế mà cho rằng, trường hợp “*gây cố tật nặng cho nạn nhân*” thì người phạm tội “thoát”; nếu hiểu như quan điểm thứ nhất sẽ tạo ra sự không bình đẳng trong pháp luật, mặt khác cũng không phù hợp với thực tiễn xét xử và quan niệm chung của mọi người đó là: “*gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*” còn bị “*áp dụng vượt khung*” huống hồ “*gây cố tật nặng cho nạn nhân*” lại không bị thì không thể chấp nhận được.

Như vậy, việc quy định tình tiết “*gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*” tại điểm b khoản 1 Điều 104 BLHS, mà không quy định gây cố tật nặng, rất nặng, đặc biệt nặng cho nạn nhân rõ ràng có vấn đề không ổn, vì nếu nạn nhân bị cố tật và tật đó có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên thì không còn là cố tật nhẹ nữa. Ví dụ: bị khoét bỏ một con mắt, có tỷ lệ thương tật 45%, không thể nói nạn nhân bị cố tật nhẹ được. Việc nhà làm luật lấy các tình tiết quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 là dấu hiệu định khung hình phạt cho khoản 2, khoản 3 của điều luật là không phù hợp với thực tiễn xét xử, không công bằng, không khoa học và khó áp dụng.

+ *Quy định về tình tiết “Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối*

với nhiều người”:

Nghiên cứu điểm b.2 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC nhận thấy một số điểm bất cập như sau:

Tại điểm b.2 quy định: “*Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của BLHS*”.

Ví dụ: A nhiều lần gây thương tích cho nhiều người, trong đó B bị thương tật 11%, C bị thương tật 10%, D bị thương tật 10%, E bị thương tật 10%, K bị thương tật 8%. Tổng tỷ lệ thương tật là 49%, A chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS.

Tại điểm c.2 quy định: “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà trong đó có ít nhất hai người và mỗi người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%*”.

Ví dụ: K đã nhiều lần gây thương tích cho nhiều người, trong đó A bị thương tật 11%, B bị thương tật 11%, tổng tỷ lệ thương tật là 22%. K bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 BLHS.

Phân tích hai trường hợp trên, hành vi Cố ý gây thương tích của A nguy hiểm hơn hành vi Cố ý gây thương tích của của K rất nhiều, bởi vì A gây thương tích cho nhiều người, tổng tỷ lệ thương tật là 49%, nhưng A chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Còn K chỉ gây thương tích cho hai người, tổng tỷ lệ thương tật là 22% nhưng K bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 BLHS.

So sánh quy định tại điểm c.2 và d.2 cũng có điểm còn bất hợp lí. Từ đây cho thấy NQ trên hướng dẫn Điều 104 giữa các khoản 1, 2, 3 không có sự hợp lí. Quy định không khống chế mức tối đa trong các lần phạm tội để xác định yếu tố định khung, dẫn đến hành vi có tính nguy hiểm cao lại bị áp dụng hình phạt nhẹ hơn là bất hợp lí.

+ Quy định về tình tiết “*Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ*”:

Qua nghiên cứu hướng dẫn tại NQ 01/2006/NQ-HĐTP TANDTC hướng dẫn về tình tiết phạm tội đối với phụ nữ đang có thai không phụ thuộc vào ý thức chủ

quan của bị cáo là không phù hợp.

Về tình tiết phạm tội với người khác không có khả năng tự vệ hiện nay chưa có hướng dẫn như thế nào là người không có khả năng tự vệ mà chỉ có hướng dẫn về phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau. Trong thực tế rất dễ làm lẫn với tình tiết tăng nặng TNHS là phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ.

Ngoài ra, việc quy định “*Đối với người khác không có khả năng tự vệ*” là thừa về mặt từ ngữ và gây khó hiểu không cần thiết:

+ Quy định về tình tiết “*Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam*”:

Qua nghiên cứu của tác giả thì cho đến hiện nay cũng chưa có văn bản hướng dẫn thi hành về tình tiết “*Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam*”, đồng thời trong quá trình áp dụng pháp luật nảy sinh một số bất cập, vướng mắc cả về lí luận và thực tiễn.

Ví dụ: Ngày 3/9/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh B đã tiến hành khởi tố, bắt tạm giam đối với Trần Văn X về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 10/9/2014, Trần Văn X đã đánh nhau với Nguyễn Văn Y, gây thương tích cho Y với tỷ lệ thương tật là 6%. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh B đã tiến hành khởi tố bổ sung đối với Trần Văn X về Tội cố ý gây thương tích theo điểm g khoản 1 Điều 104 BLHS.

Quá trình điều tra xác định X không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh B đã đình chỉ điều tra đối với X về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ ví dụ trên, có hai quan điểm:

Một là, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh B đã tiến hành khởi tố, bắt tạm giam đối với Trần Văn X về Tội cố ý gây thương tích theo điểm g khoản 1 Điều 104 BLHS là hoàn toàn đúng.

Hai là, không thể áp dụng điểm g khoản 1 Điều 104 BLHS để khởi tố X. Vì X bị hành khởi tố về Tội cố ý gây thương tích theo điểm g khoản 1 Điều 104 BLHS là do sai lầm của Cơ quan điều tra. Do đó, không thể áp dụng tình tiết “*Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam*” trong trường hợp này, mà chỉ cần áp

dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

+ Về tình tiết “*phạm tội có tính chất côn đồ*”:

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về 02 tình tiết này. Quan điểm thứ nhất cho rằng, “*phạm tội có tính chất côn đồ*” và “*có tính chất côn đồ*” là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội đã coi thường những quy tắc trong cuộc sống, có những hành vi ngang ngược, càn quấy, chỉ vì những nguyên cớ nhỏ nhặt, nhưng cũng cố tình gây sự để phạm tội. Tính chất côn đồ phụ thuộc vào 02 yếu tố: Nhân thân người phạm tội và không gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm.

Quan điểm khác cho rằng, côn đồ là kẻ chuyên gây sự, hành hung. Phạm tội có tính chất côn đồ là phạm tội hoàn toàn từ nguyên cớ do mình gây ra. Quan điểm này đã có sự phân biệt “*côn đồ*” với “*có tính chất côn đồ*”. Theo đó, khi xem xét có vận dụng tình tiết “*phạm tội có tính chất côn đồ*”, “*có tính chất côn đồ*” hay không hoàn toàn dựa vào hành vi mà người phạm tội đã thực hiện. Trong đó, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội được thực hiện có ý nghĩa quan trọng để đánh giá hành vi phạm tội có tính chất côn đồ hay không.

Tác giả thống nhất với quan điểm thứ hai bởi vì, theo Từ điển tiếng Việt, côn đồ có nghĩa “*kẻ chuyên gây sự, hành hung*”. Tức thuật ngữ “*côn đồ*” chỉ chủ thể chứ không phải chỉ hành vi.

Do đó, đối với TTTN TNHS tại điểm d khoản 1 Điều 48 BLHS và tình tiết “*có tính chất côn đồ*” tại Điều 93, Điều 104 BLHS, người phạm tội chỉ bị áp dụng các tình tiết này nếu hành vi phạm tội của họ có tính chất côn đồ, tức họ thực hiện hành vi vì những nguyên cớ nhỏ nhặt, vô lý, nguyên nhân dẫn đến việc họ phạm tội là do bản thân họ gây ra.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 48 BLHS quy định: “*Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là TTTN*”. Cho nên, trường hợp TTTN phạm tội có tính chất côn đồ được luật quy định với tính chất là yếu tố định tội, yếu tố định khung đối được nhà làm luật phân hóa TNHS ngay trong từng điều luật cụ thể (có nghĩa tình tiết này làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi) thì khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội, Tòa án không

được áp dụng tình tiết “*phạm tội có tính chất côn đồ*” là TTTN trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết “*Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người*” quy định tại khoản 3 Điều 104:

Dù đã có nhiều hướng dẫn giải quyết hai tội phạm này như Nghị quyết 01/NQ ngày 19/4/1989, số 04/NQ ngày 29/11/1996 của HĐTP và Công văn số 03/CV ngày 22/10/1987, số 140/CV ngày 11/12/1998 của TAND tối cao nhưng vẫn chưa đáp ứng hết những yêu cầu cụ thể, riêng biệt để áp dụng thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng khi cùng một hành vi nhưng định tội danh khác nhau bởi mặt khách quan của Tội giết người và Tội cố ý gây thương tích khá giống nhau, dẫn đến Tòa phúc thẩm phải sửa, hủy nhiều vụ án do Tòa sơ thẩm xét xử không đúng trong những năm qua. Qua khảo sát, nghiên cứu thực tế của tác giả thì trên địa bàn TP Biên Hòa đã xảy ra nhiều vụ án rơi vào trường hợp như trên.

+ Về tình tiết “*Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác...*” quy định tại Khoản 4 Điều 104:

Hiểu thế nào là “*phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác quy định tại khoản 4 Điều 104 cũng còn nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, khoản 4 Điều 104 BLHS quy định “*Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*”, nên “*Phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” cũng phải tương đương với trường hợp dẫn đến chết nhiều người (từ hai người trở lên). Ví dụ: Làm chết một người và làm bị thương nhiều người, mà người này đều tỷ lệ thương tật trên 60% hoặc gây chết một người và còn gây thương tích cho rất nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của người bị thương lại từ 100% trở lên.

Ý kiến trên đây chủ yếu căn cứ vào hậu quả do hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác gây ra, nhưng phải nghiêm trọng hơn trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều 104. Quan điểm này hoàn toàn có lý nếu nhà làm luật quy định “*Hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*”. Tuy nhiên, khoản 4 Điều

104 BLHS quy định: “*Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” chứ không phải “*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” hoặc “*Hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác*”. Ngay cả khi nhà làm luật quy định “*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” hoặc “*Hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác*” thì cũng không chỉ căn cứ vào thiệt hại về sức khỏe của nạn nhân mà còn bao gồm các thiệt hại khác nữa. Việc nhà làm luật quy định “*Phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” là đã dự liệu trong thực tế, người phạm tội chưa gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nhưng tính chất của hành vi là đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, tình tiết “*Phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” có thể xem đó là tình tiết thuộc tính chất nghiêm trọng của hành vi chứ không phải tình tiết thuộc về mức độ nghiêm trọng (hậu quả) của hành vi, nên nó không phụ thuộc vào những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Tại khoản 4 Điều 104, nhà làm luật không quy định như khoản 2 hoặc khoản 3 của điều luật, mà quy định: “*Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*”, thì bị phạt tù từ 10 đến 20 hoặc tù chung thân. Phải chăng, nhà làm luật coi trường hợp “*Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” là trường hợp phạm tội dẫn đến chết một người, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104? Mặc dù chưa có giải thích hoặc hướng dẫn nhưng theo quan điểm của tôi không phải như vậy, vì nếu nhà làm luật có ý đó thì không khó khăn gì mà không quy định “*Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc dẫn đến chết một người, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này*”. Mặt khác, nếu hiểu như vậy, thì có nhiều trường hợp khó lý giải như: Trường hợp chỉ dẫn đến chết một người nhưng còn gây thương tích cho người khác mà tỷ lệ thương tật cho người này là 95% thì áp dụng các khoản nào của Điều 104 hoặc gây chết một người và còn gây thương tích cho nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người bị hại cộng lại trên 100% ...

Như vậy, việc nhà làm luật quy định “*Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” là quy định một dấu hiệu độc lập, thuộc về tính chất nghiêm

trọng của hành vi, không phụ thuộc vào các dấu hiệu được quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 điều luật.

+ *Quy định về hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:*

Từ nghiên cứu, khảo sát của tác giả cho thấy:

Đây là loại tội phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình ANTT của địa phương, gây tâm lí hoang mang, lo lắng, bất an cho nhân dân. Qua số liệu thống kê cũng cho thấy, đây là loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao trong các loại tội phạm nói chung và nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Tuy nhiên hình phạt được áp dụng chưa mang tính răn đe, giáo dục đối với người phạm tội, tạo ra tâm lí coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Quy định khoảng cách giữa mức khởi điểm của hình phạt với mức tối đa của hình phạt trong nhiều khoản của điều luật còn rộng nên rất khó khăn trong việc áp dụng hình phạt, dẫn đến áp dụng không thống nhất, không đảm bảo tính công bằng trong việc quyết định hình phạt, chẳng hạn như khoản 2 có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, khoản 3 của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác (Điều 104) có khoảng cách từ 5 năm đến 15 năm, khoản 4 từ 10 đến 20 năm.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật hiện nay về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng còn có nhận thức và cách áp dụng khác nhau. Điều 47 Bộ luật hình sự quy định “*khi có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự*” mà không quy định “*không có tình tiết tăng nặng hoặc tuy có nhưng mức độ tăng nặng không đáng kể*” thì Toà án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt... Nhưng khi cân nhắc để có áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo hay không thì không thể không cân nhắc giữa tình tiết giảm nhẹ với tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Trường hợp nếu bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ thậm chí có ba, bốn tình tiết giảm nhẹ nhưng lại có nhiều tình tiết tăng nặng và mức độ tăng nặng của

các tình tiết đó đáng kể thì Tòa án được hay không được áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Về thời điểm áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS: trong trường hợp bị cáo bị xét xử sơ thẩm, bị cáo không có các tình tiết giảm nhẹ như: người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải... Nhưng đến phiên tòa phúc thẩm bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như trên thì Tòa án được hay không được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo. Thực tế, thì Tòa phúc thẩm xem đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS và sửa bản án, tuyên hình phạt nhẹ hơn Tòa sơ thẩm đã tuyên.

- Hạn chế về các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục Tố tụng hình sự:

+ Đối với quy định liên quan đến việc khởi tố theo yêu cầu người bị hại:

Tội phạm cố ý gây thương tích là loại tội phạm nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng xấu đến ANTT, gây tâm lí lo sợ, hoang mang trong nhân dân và đây là là loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao trong các loại tội phạm. Trong thực tế, với quy định khởi tố theo yêu cầu người bị hại, như vậy sẽ tạo kẽ hở cho người phạm tội dùng vật chất mua chuộc người làm chứng, thậm chí đe dọa, khống chế, mua chuộc người bị hại để họ không yêu cầu khởi tố hoặc người bị hại thay đổi yêu cầu khởi tố nhiều lần, gây khó khăn cho các hoạt động tố tụng.

Trong thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp mà pháp luật chưa có quy định như người bị hại rút yêu cầu khởi tố khi phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đang được tiến hành. Do chưa có quy định của pháp luật về các trường hợp trên nên việc xử lí gặp rất nhiều khó khăn.

Trong trường hợp vụ án cố ý gây thương tích (khoản 1 Điều 104 BLHS) có nhiều người tham gia nhưng bị hại chỉ bãi nại cho người chủ mưu nên không thể khởi tố người này nếu chỉ truy cứu TNHS những người đồng phạm thực hành, giúp sức thì không công bằng.

+ Đối với các quy định liên quan đến tỷ lệ thương tật và giám định, vụ án có

đồng phạm:

Với các quy định này, việc xử lý hành vi phạm Tội cố ý gây thương tích chỉ được các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết khi có kết quả giám định tỷ lệ thương tật của người bị hại, trên thực tế hiện nay việc giải quyết đối với loại tội phạm này thường bị kéo dài, thậm chí có những vụ án trải qua 2 đến 3 năm mới được giải quyết, do sau khi sự việc xảy ra người bị hại đang còn lo tập trung điều trị, phục hồi sức khoẻ nên chưa thể tiến hành việc giám định tỷ lệ thương tật ngay. Mặt khác đối với trường hợp tỷ lệ thương tật qua giám định dưới 11% (thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 bộ luật hình sự) thì khi người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố các cơ quan tiến hành tố tụng mới tiến hành giải quyết, truy cứu TNHS (đây là một kẽ hở dễ bị lợi dụng với mục đích xấu).

Đối với Tội phạm cố ý gây thương tích, tính chất đồng phạm diễn ra phổ biến, do đó việc phân loại vai trò, vị trí của từng đối tượng từ đầu có ý nghĩa quan trọng trong việc lượng hình, áp dụng TNHS phù hợp, nhưng sau khi sự việc xảy ra do vụ án chưa được giải quyết, các biện pháp ngăn chặn chưa được áp dụng nên các đối tượng trong vụ án dễ dàng thông cung, thống nhất lời khai, dẫn đến nhiều vụ án bị làm sai lệch, phản ánh không khách quan nội dung vụ án, thậm chí một số đối tượng sau khi gây án đã bỏ trốn làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử

Một nguyên nhân nữa dẫn đến vụ án bị kéo dài đó là, sau khi sự việc xảy ra hầu hết các bên tiến hành thoả thuận giải quyết đền bù dân sự, chỉ sau khi không đạt được các thoả thuận lúc đó người bị hại mới có đơn yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, điều đó dễ dẫn đến bỏ lọt tội phạm (nếu việc thoả thuận dân sự thành). Việc hướng dẫn thực hiện giải quyết đối với thương tích của người bị hại dưới 11% phải có đơn yêu cầu khởi tố của người bị hại đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc đấu tranh, xử lý loại tội phạm này.

Thực tế cho thấy, việc người bị hại bị mua chuộc không chịu đi giám định thương tích xảy ra khá nhiều và phổ biến, dẫn đến những người có điều kiện, coi thường pháp luật dễ dàng chối bỏ TNHS, xâm phạm đến tính mạng sức khoẻ của

người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình ANTT, tính nghiêm minh của pháp luật bị coi nhẹ.

Việc người bị hại không chịu đi giám định thương tích (không có lý do chính đáng) hiện cũng chưa có quy định pháp luật về chế tài hay hướng dẫn của liên ngành Trung ương về trường hợp này, nên các Cơ quan tiến hành tố tụng gặp nhiều khó khăn để giải quyết vì không có kết quả giám định thì không thể giải quyết vụ án.

- Hạn chế trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:

- Hạn chế về lực lượng:

Tình hình tổ chức, biên chế:

Về tình hình biên chế ngành Tòa án nói chung và Tòa án TP Biên Hòa nói riêng hiện nay là rất hạn chế. Qua khảo sát nhận thấy, bình quân hàng năm một thẩm phán tại Tòa án TP Biên Hòa phải xét xử bình quân 92 vụ/năm. Với cường độ làm việc cao, phải giải quyết nhiều loại án khác nhau, áp lực phải giải quyết án đúng thời gian và đặc biệt phải giải quyết án đúng quy định của pháp luật, giải quyết các công tác chuyên môn khác... như vậy rất dễ dẫn đến tình trạng không có nhiều thời gian nghiên cứu toàn bộ những tình tiết liên quan đến vụ án, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công tác xét xử, học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ...

- Hạn chế trong công tác nghiên cứu về tình hình tội phạm:

+ Tòa án không chỉ là cơ quan xét xử, mà còn phải thông qua hoạt động xét xử của mình, góp phần tìm ra nguyên nhân, điều kiện của các loại tội phạm nói chung và Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, đồng thời kiến nghị với các cơ quan, tổ chức các giải pháp nhằm phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm. Từ tình hình thực tiễn của TP Biên Hòa cho thấy, Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm xảy ra và được xét xử chiếm tỉ lệ lớn nhất trong nhóm các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Tuy nhiên qua khảo sát trong những năm qua, hệ thống Tòa án các cấp của TP Biên Hòa hầu như không có các công trình nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp

Bộ, cấp cơ sở... về tình hình tội phạm nói chung và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

+ Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm xảy ra và được xét xử chiếm tỷ lệ cao trên địa bàn TP Biên Hòa, tuy nhiên qua khảo sát thì các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học... nhằm tìm ra các khó khăn, vướng mắc khi áp dụng các quy định của Pháp luật hình sự nói chung và các các quy định của Pháp luật hình sự về tội phạm này nói riêng để rút kinh nghiệm trong hoạt động xét xử chưa được tiến hành thường xuyên.

- *Hạn chế trong việc áp dụng các quy định của Pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:*

+ *Hạn chế trong áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội và định khung:*

Qua nghiên cứu cho thấy, hạn chế chủ yếu là việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết định tội ở cấu thành tăng nặng định khung theo khoản 2 và 3 Điều 104 BLHS. Cụ thể qua nghiên cứu một số vụ án điển hình cho thấy: Tòa sơ thẩm đã không làm rõ được khách thể, mặt khách quan của cấu thành tội phạm, không xác định được dấu hiệu hậu quả, mặt chủ quan của hành vi phạm tội của các bị cáo. Cụ thể:

Về khách thể:

Trong một số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã xảy ra trên địa bàn cho thấy, đã có sai lầm trong việc đánh giá về khách thể.

Mặt khách quan:

Hành vi của bị cáo: trong một số vụ án qua phân tích thì hành vi của bị cáo thực hiện là hành vi của Tội giết người, nhưng Tòa sơ thẩm lại cho rằng đó là hành vi của Tội cố ý gây thương tích (xu hướng nhẹ TNHS). Như vậy, đã có sự nhận định, đánh giá sai lầm về hành vi phạm tội của các bị cáo, dẫn đến Tòa phúc thẩm tuyên hủy đối với bản án Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Việc xác định tỷ lệ thương tích của người bị hại là một vấn đề hết sức quan

trọng đối với việc định tội. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm trong nhiều trường hợp đã không chú ý đến vấn đề này. Trong một số vụ án, các tài liệu để chứng minh tỷ lệ thương tích của người bị hại có sự mâu thuẫn với nhau, chưa rõ hoặc được làm không vẫn được Tòa án chấp nhận.

Về mặt chủ quan:

Trong một số vụ án khi xác định mặt chủ quan phụ thuộc vào đánh giá, nhận định, trình độ chủ quan của Thẩm phán. Từ những sai sót trên đã dẫn đến việc định tội sai đối với hành vi của các bị cáo, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của các cơ quan tiến hành, người tiến hành tố tụng, ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền và lợi ích của bị cáo, người bị hại và những người liên quan.

Qua nghiên cứu công tác xét xử đối với Tội cố ý gây thương tích thì tỷ lệ án bị sửa, bị hủy còn chiếm tỷ lệ cao. Trong đó chủ yếu là án của Tòa sơ thẩm bị Tòa phúc thẩm sửa và hủy. Qua nghiên cứu thì không có trường hợp nào xét xử về tội này bị TANDTC sửa và hủy bản án.

+ Hạn chế trong áp dụng các quy định pháp luật hình sự về hình phạt:

Trên cơ sở thực tiễn việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự về hình phạt cho thấy:

Án bị kháng cáo chủ yếu là về vấn đề áp dụng hình phạt.

Án bị kháng cáo về vấn đề áp dụng hình phạt chủ yếu rơi vào trường hợp phạm tội theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 104.

Sai sót chủ yếu là do Tòa sơ thẩm đã đánh giá không hết hoặc bỏ sót các tình tiết giảm nhẹ TNHS của các bị cáo, dẫn đến tuyên hình phạt nặng hơn so với quy định của BLHS hoặc Tòa sơ thẩm tuyên hình phạt nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Trong một số trường hợp Tòa sơ thẩm áp dụng sai các quy định của pháp luật cho các bị cáo được hưởng án treo.

Án bị kháng cáo về vấn đề áp dụng hình phạt do Tòa sơ thẩm tuyên khi được xét xử phúc thẩm thì phần lớn Tòa phúc thẩm sửa bản án, tuyên hình phạt nhẹ hơn.

Qua khảo sát thì ít có trường hợp nào Tòa phúc thẩm tuyên hình phạt nặng hơn hình phạt đã được Tòa sơ thẩm tuyên.

Đây là vấn đề nổi bật, tuy nhiên không có thông báo rút kinh nghiệm hay tổng kết, nghiên cứu về vấn đề này.

3.2. Nhận định về TNHS đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được quy định trực tiếp tại Điều 134, có một số điểm nổi bật như sau:

Về bố cục của Điều luật: Trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 134 Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bố cục điều luật được phân chia thành 06 khoản, khoảng cách hình phạt tù áp dụng ở các khoản tăng lên.

Theo đó, hình thức TNHS vẫn giữ nguyên là cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn và tù chung thân. Bên cạnh đó, chúng ta nhận thấy rằng quy định đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong BLHS mới có sự chặt chẽ hơn về quy phạm pháp luật, giải thích rõ hơn về các tình tiết định tội, định khung, định khung tăng nặng. Đây là vấn đề mới có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo thuận lợi cho quá trình xét xử, áp dụng TNHS đối với loại tội phạm này. Bên cạnh đó, BLHS mới còn thay đổi một số cụm từ pháp lý chuẩn hóa phù hợp với một số quy định liên quan như “tỷ lệ thương tật” thành “tỷ lệ tổn thương cơ thể”, điều này phù hợp với quy định chuyên ngành của Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013 và Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014.

Bỏ, bổ sung một số tình tiết mang tính khó lượng hóa, tình tiết gây lúng túng trong quá trình áp dụng trước đây, nhằm giải quyết dứt điểm một số vướng mắc trước đây, như: bỏ tình tiết “*Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*”; bổ sung cụm từ “*có khả năng*” vào nội dung của tình tiết “*dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người*” thành “*dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người*”, quy định mới này xác định rõ là không cần chờ đến khi hậu quả “*gây nguy hại cho nhiều*

người” xảy ra, mà chỉ cần chứng minh được “*thủ đoạn*” đó đã được thực hiện và “*có khả năng*” gây nguy hại cho nhiều người; Sửa đổi các tình tiết “*đối với trẻ em*”, “*phụ nữ đang có thai*” thành các tình tiết “*đối với người dưới 16 tuổi*”, “*phụ nữ mà biết là có thai*”, giúp quá trình truy cứu TNHS được thông nhất...

Bổ sung một số tình tiết mới cho phù hợp với sự phát triển của xã hội, như: bổ sung tình tiết “*Dùng a – xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm*” vào điểm b khoản 1 Điều 134, làm cơ sở xử lý TNHS đối với nhiều vụ án cố ý gây thương tích xảy ra hiện nay mà đối tượng sử dụng nhiều loại axit hoặc hóa chất nguy hiểm khác nhưng pháp luật không quy định nên không có cơ sở để xử lý; Pháp điển hóa tình tiết dùng “*vũ khí*” vào điểm a khoản 1 Điều 134; bổ sung đối tượng “*người chữa bệnh cho mình*” tại điểm d khoản 1 Điều 134;... Điều này cho thấy sự thay đổi phù hợp với xu thế phát triển chung xuất hiện một số vấn đề mới cần được điều chỉnh bởi BLHS, từ đó, việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội được đầy đủ và công bằng hơn.

Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung so với BLHS cũ là việc sắp xếp lại các tình tiết định khung, định khung tăng nặng nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cứu TNHS đối với loại tội phạm này được chính xác, linh hoạt, tránh tối đa những vướng mắc có thể gặp phải trong thực tế.

Có một điểm mới đáng chú ý nhất đó chính là quy định trường hợp chuẩn bị để thực hiện hoặc nhằm mục đích gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì vẫn bị xem là tội phạm và phải chịu TNHS. Theo tác giả, đây là điểm đáng lưu ý nhất và cũng là cần thiết nhất, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa loại tội phạm này xảy ra. Tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 quy định: “*Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm*”, lần đầu tiên chúng ta có quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội đối với loại tội phạm này, vì về mặt bản chất những trường hợp nêu trên mức độ nguy hiểm của hành vi là rất cao nếu không kịp

thời ngăn chặn thì hậu quả xảy ra sẽ không thể lường trước được. Và thực tiễn cũng cho thấy được hậu quả của hành vi chuẩn bị phạm tội như trên trong những năm gần đây là có thể gây ra cho nhiều người; thiệt hại về mạng người... gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Bên cạnh đó sự đổi mới của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) về các vấn đề như án tích và hình phạt cũng kéo theo TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thay đổi, tùy vào chủ thể của tội phạm, hành vi khách quan trên thực tế của người phạm tội, hậu quả ... từ đó căn cứ vào các quy định về hình phạt, xóa án tích, ... để xem xét TNHS mà người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải chịu. Như tại điểm a Khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015 có quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị kết án thì được coi là không có án tích, vậy nếu người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị kết án bị xét xử là phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì TNHS loại trừ án tích với người đó.

Có thể đánh giá về tổng thể BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nói chung và quy định của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, như sau: Đã cụ thể hóa được các trường hợp trong thực tiễn có thể xảy ra, đây là sự phát triển, hoàn thiện mạnh mẽ về kỹ năng lập pháp, đem lại ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần giữ gìn ANTT. Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trong đó có Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn tồn tại một số thiếu sót có thể dẫn đến vướng mắc, khó khăn trong quá trình áp dụng, theo đó cần được cụ thể hóa hơn hoặc có văn bản hướng dẫn đồng bộ tránh nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng (được tác giả đề xuất ở phần kiến nghị).

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.3.1. Các kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về trách

nhệm hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Trên cơ sở tình hình thực tiễn về áp dụng pháp luật hình sự đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn TP Biên Hòa, tác giả xin nêu một số kiến nghị sau:

- Về tổ chức lực lượng:

Trên cơ sở tình hình về tổ chức nhân sự của TAND TP Biên Hòa, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

+ Tăng số lượng Thẩm phán cho Tòa án TP Biên Hòa, nhằm đáp ứng công việc thực tiễn đặt ra, giảm áp lực về số lượng án hằng năm phải xử lý.

+ Chuyên môn hóa trong hoạt động xét xử, tránh tình trạng như hiện nay các Thẩm phán vừa phải xét xử cả án dân sự, hình sự, hành chính. Điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác xét xử, tránh quá tải cho đội ngũ Thẩm phán.

+ Bồi dưỡng nhằm không ngừng nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ Tòa án. Có cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ học tập cao học Luật trong và ngoài nước. Cần có hướng tuyển chọn, bổ sung Thẩm phán từ nguồn là những Luật sư có kinh nghiệm, thâm niên công tác.

+ Đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc.

- Về công tác nghiên cứu tình hình tội phạm:

+ Lãnh đạo các cấp của Tòa án cần quan tâm, chú ý và tạo điều kiện cho công tác này.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu về tình hình tội phạm, nguyên nhân - điều kiện của các loại tội phạm và các vấn đề khác liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

+ Đối với các loại tội phạm xảy ra và được xét xử nhiều trong đó có Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm trong xét xử, phát hiện các khó khăn, vướng mắc về pháp luật để kiến nghị các biện pháp giải quyết.

- *Các kiến nghị đối với việc áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội, định khung và hình phạt:*

+ *Các kiến nghị đối với việc áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội và định khung:*

Trên cơ sở phân tích về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự ở trên cho thấy:

Những hạn chế chủ yếu đối với việc áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội. Do đó, người tiến hành tố tụng cần nghiên cứu kỹ lưỡng các quy định của pháp luật quy định về tội phạm này. Hiện nay có rất nhiều các quy định của pháp luật quy định, hướng dẫn xử lý đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, do đó cần có thống kê, tập hợp một cách khoa học các quy định này để thuận lợi cho việc sử dụng.

Đối với từng vụ án cần nghiên cứu cụ thể, chi tiết về các tình tiết có liên quan đến vụ án. Làm rõ những vấn đề còn mâu thuẫn như lời khai của bị hại với lời khai của bị cáo, người làm chứng, mâu thuẫn trong vấn đề giám định tỷ lệ thương tích, tỷ lệ thương tật cụ thể, vụ án có đồng phạm hay không, công cụ, phương tiện gây án... để định tội đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với cấu thành định khung tăng nặng quy định, đây là trường hợp rất phức tạp, khó khăn trong việc đánh giá hành vi phạm tội, cần nghiên cứu kỹ các hướng dẫn đã có, phân tích làm rõ cấu thành của tội phạm, công cụ phương tiện, vị trí phạm tội, nguyên nhân phạm tội, khả năng chống cự của nạn nhân, thủ đoạn gây án, hậu quả thực tế đã xảy ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, nguyên nhân hậu quả chết người không xảy ra để đánh giá và định tội chính xác.

Đối với các bản án bị hủy vì định sai tội danh cần được đưa ra phân tích, đánh giá để kịp thời rút kinh nghiệm.

+ *Các kiến nghị đối với việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về hình phạt:*

Cũng trên cơ sở đã trình bày ở phần thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về hình phạt, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

Tòa án TP Biên Hòa cần tổ chức công tác nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm về vấn đề này. Từ thực tiễn cho thấy, án bị kháng cáo chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân do áp dụng hình phạt của Tòa sơ thẩm nặng hơn so với quy định của BLHS và tình trạng này xảy ra ở hầu hết các Tòa. Có những bản án bị sửa mà hình phạt tù chỉ chênh lệch có 2, 3 tháng tù gây ra lãng phí về nhân lực, tài chính. Do đó để khắc phục tình trạng trên cần tổ chức công tác nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Cần có các công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu về vấn đề này, qua đó rút ra các tồn tại, hạn chế để có biện pháp khắc phục. Ở góc độ công tác thực tiễn, đội ngũ Thẩm phán là những người trực tiếp áp dụng pháp luật, có điều kiện thuận lợi để phát hiện, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật phục vụ có hiệu quả cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Hạn chế chủ yếu là do Tòa án Cấp sơ thẩm bỏ sót, không đánh giá hết các tình tiết giảm nhẹ TNHS của các bị cáo dẫn đến việc tuyên hình phạt nặng hơn so với quy định của BLHS. Do đó, tác giả kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn cụ thể, chi tiết các quy định của BLHS về vấn đề quyết định hình phạt, vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cần chú ý một số vấn đề sau:

Phải xác định đúng và đủ các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ TNHS. Không phải trường hợp nào người phạm tội cũng được tính tất cả các tình tiết giảm nhẹ hoặc tình tiết tăng nặng mà phải tùy trường hợp để xác định bị cáo có một hoặc nhiều tình tiết theo đúng quy định.

Tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS của hành vi phạm tội nào thì chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội đó.

Xác định đúng mức độ tăng nặng, giảm nhẹ của các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.

3.3.2. Các kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Qua nghiên cứu đánh giá những điểm mới về TNHS đối với tội cố ý gây

thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại Điều 134 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), trên cơ sở nghiên cứu lý luận đối với tội phạm này cũng như nghiên cứu thực tiễn áp dụng TNHS đối với tội phạm này tại TP Biên Hòa, theo tác giả một số quy định mới còn chưa thực sự hợp lý, trong quá trình áp dụng có thể sẽ gặp khó khăn vướng mắc, như sau:

Thứ nhất, tại điểm a khoản 1 Điều 134 quy định tình tiết “*dùng vũ khí, vật liệu nổ*” là tình tiết định tội hoặc định khung tăng nặng là chưa thực sự hợp lý, khó vận dụng trong thực tế, bởi lẽ tình tiết đã là dấu hiệu định tội tại Điều 304, 305, 306 BLHS thì không coi là tình tiết định tội, định khung ở tội khác nữa. Thông qua ví dụ sau sẽ làm rõ vấn đề này: A dùng súng colt là súng quân dụng bắn vào phần mềm B với tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11%, trong trường hợp này A đã phạm tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS. Về hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng của A, có ý kiến cho rằng do đã là tình tiết cấu thành định tội cố ý gây thương tích nên A không phạm tội tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo Điều 304 BLHS. Có ý kiến lại cho rằng A có hai hành vi là tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và cố ý gây thương tích vì vậy cần khởi tố A về hai tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và cố ý gây thương tích. Theo tác giả cần có hướng dẫn thống nhất tại điểm này, tránh thiếu thống nhất khi áp dụng ở các địa phương khác nhau.

Thứ hai, cần có hướng dẫn áp dụng đối với tình tiết “*dùng a xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm*” là tình tiết định tội và định khung tăng nặng trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đây là tình tiết bổ sung mà tác giả nhận thấy là cần thiết vì trong thực tiễn hiện nay việc sử dụng các loại hóa chất để xâm phạm sức khỏe, tính mạng con người rất hay xảy ra, việc quy định này sẽ tránh được lúng túng trong thực tiễn gặp phải. Nhưng, vấn đề đặt ra là cần hiểu như thế nào là a xít và hóa chất nguy hiểm? Dựa vào tên axit, hóa chất hay đặc tính nguy hiểm của a xít, hóa chất mà người phạm tội sử dụng để xác định là nguy hiểm; trong trường hợp người phạm tội dùng đúng a xít, hóa chất được coi là nguy hiểm nhưng đã pha loãng với nước thì có còn coi là dùng a xít nguy hiểm, hóa

chất nguy hiểm nữa không. Chính vì vậy, theo tác giả cần sớm có hướng dẫn về vấn đề này.

Thứ ba, hiện nay chưa có hướng dẫn hay quy định nào đề cập đến khái niệm người không có khả năng tự vệ là như thế nào? Hiểu như thế nào là người không có khả năng tự vệ là như thế nào? Người già, trẻ em, người bệnh,... là người không có khả năng tự vệ? Vì vậy theo tác giả, đối với tình tiết “*hoặc người khác không có khả năng tự vệ*” tại điểm c Khoản 1 Điều 134 BLHS cần có hướng dẫn cụ thể về trường hợp không có khả năng tự vệ hoặc sửa đổi cụ thể những trường hợp không có khả năng tự vệ và hướng dẫn trong tình huống nào thì được xem là không có khả năng tự vệ, nhằm thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật. Ví dụ: Nếu A hoàn toàn lành lặn, đầy đủ về khả năng có thể tự vệ cho bản thân nhưng bị B uy hiếp về tinh thần rằng nếu chống cự sẽ làm điều bất lợi cho gia đình. B dùng khúc củi đánh A gây ra thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 8%. Vậy, trường hợp này có áp dụng tình tiết người không có khả năng tự vệ để khởi tố, truy cứu TNHS với B về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay không?

Thứ tư, quy định cụ thể phần trăm gây tổn thương cơ thể mỗi lần phạm tội gây ra đối với tình tiết định khung tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” tại điểm c khoản 2 Điều 134. Điều này sẽ giúp quá trình áp dụng xác định TNHS mà người phạm tội phải chịu được thuận lợi hơn.

Thứ năm, nhanh chóng có hướng dẫn cụ thể đối với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 134 là “*gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên*”. Trên thực tế, thay đổi như thế nào thì được coi là “*làm biến dạng vùng mặt*”; có cần phải có kết luận giám định pháp y kết luận người bị hại bị biến dạng vùng mặt hay chỉ bằng quan sát đánh giá của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong trường hợp người bị hại tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 61% nhưng lại bị biến dạng vùng mặt thì áp dụng khoản nào để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng.

Thứ sáu, theo tác giả nên bổ sung tình tiết liên quan đến trường hợp tổn thương cơ thể là vĩnh viễn làm tình tiết định khung tăng nặng TNHS. Vấn đề này

cần được đặt ra vì: khi tổn thương cơ thể mà người phạm tội gây ra đối với bị hại để lại lâu dài (vĩnh viễn) nó ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt, cuộc sống lâu dài sau này và khi đó bất lợi người bị hại gánh chịu là lớn hơn so với tổn thương cơ thể mà sau một thời gian nào đó có thể lành lại một phần hoặc hoàn toàn lành lại. Cụ thể, tác giả đề xuất bổ sung tại khoản 2 Điều 134 một điểm như sau: *“Gây ra thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với hai tay, hai chân, một tay, một chân, hai mắt, một mắt, bộ phận sinh dục”*, sở dĩ tác giả chỉ đề xuất đối với những trường hợp này, vì đây là những bộ phận trực tiếp ảnh hưởng nhất đến cuộc sống sinh hoạt, làm việc sau này của người bị tổn hại, chính vì vậy mà tổn hại mà người bị hại gánh chịu do hành vi phạm tội gây ra là không thể định lượng và cần tăng nặng TNHS để đảm bảo giáo dục, răn đe đối với người phạm tội.

Kết luận chương 3

Tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm xảy ra chiếm tỷ lệ lớn trong các tội phạm hình sự tại TP Biên Hòa. Trong nội dung chương 1 và 2 của luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận về TNHS đối với loại tội phạm này và thực tiễn áp dụng TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại TP Biên Hòa. Đây là cơ sở để xây dựng, nghiên cứu làm rõ những vấn đề trong chương 3 của luận văn.

Trong chương 3 của luận văn, trên cơ sở đánh giá thực tiễn áp dụng TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để đưa ra lý do cần nâng cao hiệu quả áp dụng TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và nghiên cứu quy định TNHS đối với loại tội phạm này theo quy định tại BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Từ đó, tác giả đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự về tội phạm này. Nhằm nâng cao hiệu quả và tránh những vướng mắc có thể gặp phải trong thực tiễn áp dụng quy định pháp luật hình sự khi truy cứu TNHS với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

KẾT LUẬN

Hiện nay, do ảnh hưởng của mặt trái xã hội: phim ảnh bạo lực; game online;... dẫn đến bạo lực trong đời sống xã hội nói chung và tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng đang có chiều hướng gia tăng về số lượng ở TP Biên Hòa nói riêng và cả nước nói chung. Phương thức thủ đoạn của loại tội phạm này ngày càng nguy hiểm, các đối tượng gây án ngày càng manh động, liều lĩnh, sử dụng công cụ gây án nguy hiểm. Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật để xử lý TNHS đối với loại tội phạm này còn gặp phải một số khó khăn vướng mắc, quy định về loại tội phạm này còn một số điểm chưa được cụ thể gây ra khó khăn trong quá trình áp dụng.

Trong luận văn tác giả đã làm rõ một số vấn đề và đạt được những kết quả có thể sử dụng làm tài liệu học tập, nghiên cứu về lý luận đối với loại tội phạm này và sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo áp dụng pháp luật nhằm xử lý TNHS với tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn TP Biên Hòa, như sau:

- Đã nghiên cứu đưa ra khái niệm, đặc điểm TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Làm rõ lý luận TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo BLHS năm 1999.

- Nghiên cứu và đưa ra một số khó khăn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về TNHS đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại TP Biên Hòa và đưa ra giải pháp.

- Nghiên cứu quy định BLHS năm 2015 về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại TP Biên Hòa. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, Bộ lao động thương binh và xã hội (1995), *Thông tư số 12-TT/LB ngày 26/7/1995 quy định về Bảng tiêu chuẩn thương tật*, Hà Nội.
2. Bộ Y tế, Bộ lao động thương binh và xã hội (2013), *Thông tư số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013 quy định Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp*, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2014), *Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định Tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần*, Hà Nội.
4. Lê Văn Cẩm (2003), *Giáo trình luật hình sự - Phần các tội phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Công an Tp Biên Hòa (từ 2013 đến 2017), *Báo cáo tổng kết tình hình công tác năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*, Tp Biên Hòa.
6. Đỗ Đình Hòa (2009), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần tội phạm*, Nxb Tổng cục XDLL CAND, Hà Nội.
7. Hội đồng Nhà nước (1985), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/1986/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.
9. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1988), *Nghị quyết số 02/1988/NQ-HĐTP ngày 10/11/1988 về việc Hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/1986/NQ-HĐTP*, Hà Nội.
10. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1989), *Nghị quyết số 01/1989/NQ-HĐTP ngày 19/4/1989 về việc Hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.
11. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999*, Hà Nội.

12. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.

13. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006) *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS*, Hà Nội.

14. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, Tập 1, Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần riêng*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.

17. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội .

20. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), sửa đổi bổ sung năm 2017*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội .

21. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Quốc hội (2012), *Luật Giám định tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 20/6/2012*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

24. Vũ Văn Thắng (2017), *Định tội danh Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam. Từ thực tiễn*

Q.Thủ Đức-Tp Hồ Chí Minh, Luận văn thạc sỹ, Học viện Khoa học xã hội.

25. Tổng cục XDLL CAND (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, NXB CAND, Hà Nội.

26. Tòa án nhân dân Tp Biên Hòa (từ 2013 đến 2017), *Báo cáo tổng kết tình hình công tác năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*, Tp Biên Hòa.

27. Trường ĐH Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam tập 1*, NXB CAND, Hà Nội.

28. Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần chung*, NXB Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

29. Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần các tội phạm quyền 1*, NXB Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

30. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

31. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2004), *Công văn số 65/VKSNDTC-V8 ngày 20/7/2004 Hướng dẫn áp dụng một số Điều của BLHS*, Hà Nội.

32. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận - thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

33. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Số liệu xét xử sơ thẩm về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại TP Biên Hòa

Năm	Tổng số vụ án (Số vụ)	Tổng số bị cáo (Bị cáo)	Số vụ án Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác		Số bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	
			Số vụ	%	(Bị cáo)	%
2013	452	856	98	21,68	189	22,08
2014	447	851	95	21,25	166	19,51
2015	423	798	87	20,57	141	17,67
2016	431	852	101	23,43	131	15,38
2017	464	858	102	21,98	151	17,60
Tổng	2.217	4.215	483	21,79	778	18,46

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm của TAND TP Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.2: Tổng số vụ án bị xét xử phúc thẩm và số vụ án bị xét xử phúc thẩm về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Năm	Tổng số vụ án (Số vụ)	Số vụ án Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Số vụ)
2013	127	30
2014	135	35
2015	132	31
2016	162	52
2017	157	42
Tổng	713	190

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm của TAND TP Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.3: Hình phạt do Tòa án Cấp sơ thẩm áp dụng

Năm	Tổng số bị cáo	Hình phạt						
		Dưới 3 năm	Từ 3 đến dưới 7 năm	Từ 7 đến dưới 8 năm	Từ 8 đến 15 năm	Án treo	Cải tạo không giam giữ	Hình phạt khác
2013	189	30	104	4	3	28	20	0
2014	166	22	90	3	0	24	27	0
2015	141	19	82	4	2	18	16	0
2016	131	21	77	1	1	17	14	0
2017	151	26	81	2	3	19	20	0
Tổng	778	118	434	14	9	106	97	0

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm của TAND TP Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.4: Hình phạt do Tòa án Cấp phúc thẩm áp dụng

Năm	Tổng số bị cáo	Hình phạt						
		Dưới 3 năm	Từ 3 đến dưới 7 năm	Từ 7 đến dưới 8 năm	Từ 8 đến 15 năm	Án treo	Cải tạo không giam giữ	Hình phạt khác
2013	30	9	14	1	0	6	0	0
2014	35	10	15	2	0	8	0	0
2015	31	12	9	1	2	7	0	0
2016	52	11	22	3	1	15	0	0
2017	42	12	16	2	3	9	0	0
Tổng	190	54	76	9	6	45	0	0

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm TAND TP Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.5: Số liệu xét xử sơ thẩm vụ án và bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	Tình hình tội phạm chung		Tội CYGTT hoặc GTHCSK của người khác		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2013	3147	5411	339	609	10,77	11,25
2014	3108	5498	338	591	10,88	10,75
2015	2938	5412	272	467	9,26	8,63
2016	3122	5395	344	482	11,02	8,93
2017	3011	5212	319	498	10,59	9,55
Tổng	15316	29928	1612	2647	10,52	8,84

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm của TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.6: Số liệu xét xử sơ thẩm vụ án và bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	Tỉnh Đồng Nai		Thành phố Biên Hòa		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2013	339	609	98	189	28,91	31,03
2014	338	591	95	166	28,17	28,09
2015	272	467	87	141	31,96	30,19
2016	344	482	101	131	29,36	27,17
2017	319	498	102	151	31,97	30,32
Tổng	1612	2647	483	778	29,96	29,39

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND tỉnh Đồng Nai và TAND Tp Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.7: Cơ cấu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Năm	Nhóm tội XPTM,SK,NP,DD		Tội CYGTT hoặc GTHCSK của người khác		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2013	160	291	98	189	61,25	64,95
2014	162	256	95	166	58,64	64,84
2015	154	241	87	141	56,49	58,51
2016	177	221	101	131	57,06	59,28
2017	175	251	102	151	58,29	60,16
Tổng	828	1260	483	778	58,33	61,75

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm của TAND Tp Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.8: Số liệu xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Năm	Số vụ án		Số bị cáo	
	Số vụ	Tỷ lệ (%)	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
2013	98	100%	189	100%
2014	95	96,94% (- 3,06%)	166	87,83% (-12,17%)
2015	87	88,76% (- 11,24%)	141	74,60% (- 25,4%)
2016	101	103,06% (+3,06%)	131	69,31% (- 30,69%)
2017	102	104,08% (+4,08%)	151	79,89% (- 20,11%)

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm của TAND Tp Biên Hòa từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.9: Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo thiệt hại do tội phạm gây ra

Số vụ án	Số người bị thiệt hại	Mức độ thiệt hại	
		Sức khỏe	Tính mạng
100	182	176	6
Tỷ lệ (%)		96,70%	3,30%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm TAND Tp Biên Hòa
từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.10. Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo công cụ thực hiện tội phạm của người phạm tội

Tổng số vụ án	Công cụ thực hiện tội phạm	Số vụ phạm tội	Tỷ lệ (%)
100	Hung khí nguy hiểm	47	47%
	Hung khí thô sơ	29	29%
	Hóa chất	1	10%
	Công cụ khác	23	23%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm TAND Tp Biên Hòa
từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.11. Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo phương thức thực hiện tội phạm

Tổng số vụ án	Hình thức phạm tội	Số vụ phạm tội	Tỷ lệ (%)
100	Đồng phạm	72	72%
	Đơn lẻ (không đồng phạm)	28	28%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm TAND Tp Biên Hòa
từ năm 2013 – 2017)

Bảng 2.12. Cơ cấu của tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo hình phạt sơ thẩm

Tổng số bị cáo	Hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
200	Dưới 3 năm	112	48,97%
	Từ 3 năm đến dưới 7 năm	51	23,14%
	Từ 7 năm đến dưới 15 năm	18	4,88%
	Từ 15 năm trở lên	0	1,54%
	Hình phạt khác	19	21,47%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm TAND Tp Biên Hòa từ năm 2013 - 2017)

Bảng 2.13. Đặc điểm về động cơ, mục đích của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Số bị cáo	Giải quyết mâu thuẫn cá nhân	Giải quyết mâu thuẫn nhóm	Mục đích vụ lợi	Động cơ, mục đích khác
200	101	68	17	14
Tỷ lệ (%)	50,50%	34,00%	8,50%	7,00%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm TAND Tp Biên Hòa từ năm 2013 - 2017)